

Số: /PA-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 5 năm 2026

PHƯƠNG ÁN
HỘ ĐÊ TOÀN TUYẾN VÀ ỨNG PHÓ VỚI
TRƯỜNG HỢP LŨ LỚN VƯỢT TẦM SUẤT THIẾT KẾ

Phần I
CĂN CỨ PHÁP LÝ, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

- Luật Đê điều ngày 29/11/2006; Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020; Luật Phòng thủ dân sự ngày 20/6/2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

- Nghị định 113/2007/NĐ-CP ngày 28/6/2007 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đê điều; Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đê điều; Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai;

- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai;

- Quyết định số 597/QĐ-UBND ngày 04/9/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc kiện toàn Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Ninh Bình;

- Văn bản số 243/ĐĐ-QLĐĐ ngày 11/02/2026 của Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai về việc tổ chức đánh giá hiện trạng công trình đê điều, xác định trọng điểm đê điều xung yếu và xây dựng phương án hộ đê năm 2026;

- Báo cáo của Sở Nông nghiệp và Môi trường về đánh giá hiện trạng đê điều, xác định trọng điểm năm 2026.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra, đặc biệt là người, tài sản và các công trình trọng yếu. Kịp thời di dời, sơ tán dân ở khu vực xung yếu, có nguy cơ cao đến nơi tạm trú an toàn;

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ huy, điều hành của các cấp, các ngành trong việc xử lý kịp thời các tình huống, sự cố tại chỗ, đạt hiệu quả cao nhất;

- Tăng cường công tác cập nhật thông tin, tuyên truyền, cảnh báo, hướng dẫn các biện pháp phòng tránh, ứng phó thiên tai kịp thời đến các tầng lớp nhân dân.

2. Yêu cầu

a) Chống lũ cho các tuyến đê

Đối với các tuyến đê sông trên địa bàn tỉnh chống được mức lũ tương ứng với mực nước thiết kế, một số vị trí cụ thể như sau:

- Đối với đê sông Hồng:

+ Trạm thủy văn Hưng Yên (K127+000): +8,3m;

+ Cống Tác Giang (K129+494): +8,0m;

+ Nhật Tảo (K142+000): +7,4m;

+ Cống Như Trác (K145+578): +7,20m;

- Đối với đê tả Hoàng Long:

+ Cống Gia Tiên (K16+460): +5,71m;

+ Gián Khẩu (K23+100): +5,12m;

+ Trạm thủy văn Bến Đé: +6,13m;

+ Trạm thủy văn Gián Khẩu: +5,12m.

- Đối với đê Đầm Cút:

+ Cống Liên Sơn (K2+250): +5,31m;

+ Trạm bơm Gia Vân (K8+000): +5,19m;

- Đối với đê hữu Hoàng Long:

+ Trạm bơm Vân Trình (K9+700): +5,88m;

+ Trần Lạc Khoái (K13+610): +5,73m;

+ Âu Lê (K16+200): +5,56m;

- Đối với đê Trường Yên:

+ Kè Trường Yên (K1+000): +5,46m;

+ Âu Chanh (K4+200): +5,09m;

- Đối với đê Đức Long, Gia Tường, Lạc Vân:

+ Trạm bơm Gia Tường (K3+750): +5,125m;

+ Trạm bơm Đức Long (K4+960): +5,12m;

- Đối với đê Năm Căn:

- + Cống Tràng An (K4+250): +5,87m;
- + Cống Đồng Đình (K6+500): +5,83m;
- Đối với các tuyến đê nội đồng phân đầu chống lũ, đảm bảo theo quy định.

b) Chống bão

- Đối với tuyến đê biển Hải Hậu, đê biển Giao Thủy, đê biển Nghĩa Hưng những đoạn đê đã được tu bổ, nâng cấp theo hướng vững chắc (gần 65km) chống được bão cấp 10 triệu trung bình tần suất P=5%, những đoạn còn lại chống được bão cấp 9 gặp triệu trung bình tần suất 5%.

- Đối với các tuyến đê biển Bình Minh II: Đảm bảo an toàn cho tuyến đê đến bão cấp 12, triệu trung bình.

- Đối với các tuyến đê biển Bình Minh III: Đảm bảo an toàn cho tuyến đê đến bão cấp 9, triệu trung bình.

Phần II

HIỆN TRẠNG ĐÊ ĐIỀU VÀ KHẢ NĂNG PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

I. VỀ ĐÊ ĐIỀU

Hệ thống đê tỉnh Ninh Bình có tổng chiều dài 1.217,847 km. Trong đó, đê cấp I dài 47,108 km, đê cấp II dài 183,864 km, đê cấp III dài 321,502 km, đê cấp IV dài 260,766 km, đê cấp V dài 404,607 km. Trong đó các tuyến đê chính:

- Đê tả Đáy (đê cấp II và cấp III) có tổng chiều dài 121,558 km; trong đó đê cấp II dài 32,184 km (*trương ứng K137+516 - K169+700*); đê cấp III dài 89,374 km (*có 76,816 km đê sông và 12,558 km đê cửa sông*). Vị trí đầu tuyến tại K88+000 tiếp giáp thành phố Hà Nội, cuối tuyến tiếp giáp K15 đê biển Nghĩa Hưng. Trên tuyến có **13 trọng điểm** (*đoạn từ K88+000 - K92+230; đoạn từ K92+230 - K95+290; đoạn đê xung yếu K95+290 - K101+520; cống Lương Cổ K107+493; đê, kè đoạn từ cống âu thuyền Phủ Lý đến cầu Đọ Xá tương ứng từ K109+246 - K113+300; kè Thanh Nghị tương ứng đoạn K128+500 - K128+760; cống Đông Duy tại K151+994; cống Tây Vĩnh K163+948; cống Mười Sáu K188+705; cống Đồng Liêu K190+745; cống Chi Tây K196+585; cống qua đê trạm bơm Tân Sơn 2 tại K91+680; cống lấy nước trạm bơm Nhâm Tràng tương ứng K125+730*).

- Tuyến đê hữu Đáy (đê cấp II và cấp III) dài 75,401 km, K0 tại cống Dịch Lộ, đến cửa cống Như Tân. Trong đó đê cấp II dài 71,204 km từ Cống Dịch Lộ đến cửa Kim Đài; đê cấp III dài 4,197 km, từ cửa Kim Đài đến cống Như Tân. Trên tuyến có **12 trọng điểm** (*cống Cam Giá tại K16+394; vị trí K18+317 khu vực đê Trương Hán Siêu; đoạn K23+582 - K23+750; đoạn đê xung yếu từ K24+710 - K25+450; đoạn K28+538 - K28+695; đoạn K33+600 - K35+000*;

đoạn đê xung yếu từ K36+200 – K38+000; đoạn đê xung yếu từ K45+000 - K45+200; đoạn K47+000 - K49+000; cống Lạc Thiện 1 tại K70+198; kè Xuân Đài đoạn tương ứng từ K71+895 - K72+750; cống xả trạm bơm Gia Trấn tại K7+807).

- Tuyến đê hữu Hồng dài 102,054 km trong đó đê cấp I dài 47,108 km (tương ứng K117+900 - K164+756); đê cấp II dài 54,946 km (có 45,244 km đê sông và 9,702 km đê cửa sông). Vị trí đầu tuyến (K117+900) giáp thành phố Hà Nội, điểm cuối giáp K0 đê biển Giao Thủy. Trên tuyến có **15 trọng điểm** (cống Mộc Nam tại K123+050; đoạn K126+000 - K128+000; cống, âu thuyền Tắc Giang từ K129+420 - K129+530; đoạn từ K129+530 - K130+244; đoạn từ K130+244 - K131+000; đoạn từ K141+000 - K142+489; đoạn từ K142+489 - K144+657; đoạn từ K154+236 - K154+280; đoạn từ K176+820 - K177+100 (kè Quán Lác); Cống Ngô Xá K166+802; xây dựng cống qua đê kết hợp cầu giao thông khu vực thượng lưu cống âu Tắc Giang và xây dựng mới tuyến đê ngoài bãi sông; cống lấy nước trạm bơm Như Trác tương ứng K145+578; cống xả trạm bơm cống Mỹ tại K159+498; cống Mỹ tại K159+545,5; cống Cồn Tư tại K5+220 đê cửa sông; cống Cồn Năm tại K7+069 đê cửa sông).

- Tuyến đê hữu Đào (đê cấp II) dài 25,530 km (từ K0+000 ÷ K25+530), đầu tuyến K0 giáp với K164+756 đê hữu Hồng, cuối tuyến giáp với K169+700 đê tả Đáy.

- Tuyến đê tả Đào (đê cấp III) có chiều dài toàn tuyến 30,073 km (từ K0+000 - K30+073). Đầu tuyến K0 tiếp giáp K164+756 đê hữu Hồng, cuối tuyến K30+070 tiếp giáp K169+700 đê tả Đáy.

- Tuyến đê hữu Ninh (đê cấp III) có chiều dài toàn tuyến 45,556 km (đê sông dài 39 km; đê cửa sông dài 6,556 km); đầu tuyến K0 giáp với K188+833 đê hữu Hồng, cuối tuyến tiếp giáp với K0 đê biển Nghĩa Hưng. Trên tuyến có **07 trọng điểm** (cống Văn Lai K0+961; cống Phú An K13+042; cống Quần Khu K26+590; đoạn K28+150 - K39+000; K0+000 - K1+500 cửa sông hữu Ninh; kè Phụng Tường từ K6+067 đến K6+347; kè Trục Bình K9+500 đến K11+000).

- Tuyến đê tả Ninh (đê cấp III) có chiều dài toàn tuyến 47,391 km (đê sông dài 40,10 km; đê cửa sông dài 7,291 km). Đầu tuyến K0 giáp K188+833 đê hữu Hồng, cuối tuyến tiếp giáp với K29 đê biển Hải Hậu. Trên tuyến có **02 trọng điểm** (cống Kẹo tại K11+262; cống 1/5 tại K5+968 đê cửa sông).

- Tuyến đê Bắc Quần Liêu (đê cấp III) dài 1,79 km (nối giữa đê sông Ninh Cơ và đê tả Đáy (tương ứng K181+876 đê tả Đáy và K26+680 đê hữu Ninh).

- Tuyến đê Nam Quần Liêu (đê cấp III) dài 1,68 km, nối giữa đê sông Ninh Cơ và đê tả Đáy (tương ứng K181+876 đê tả Đáy và K26+680 đê hữu Ninh).

- Tuyến đê hữu Sò (đê cấp IV) dài 10,464 km (đê sông dài 8,284 km; đê cửa sông dài 2,18 km). Đầu tuyến là đập Nhất Đồi, cuối tuyến tiếp giáp với đê Biển Hải Hậu. Trên tuyến có **02 trọng điểm** (cống Nam Điền B tại K1+201).

- Tuyến đê tả Sò (đê cấp IV) dài 11,396 km (đê sông dài 10,776 km; đê cửa sông dài 1,16 km). Đầu tuyến là đập Nhất Đồi, cuối tuyến tiếp giáp với đê Biển huyện Giao Thủy. Trên tuyến có **02 trọng điểm** (đoạn từ K1+400 - K3+211; cống Cát Đàm Hạ tại K7+908).

- Tuyến đê Trường Yên (đê cấp III) dài 8,019 km điểm đầu K0 tại Cầu Đen đến quốc lộ 1A thuộc địa bàn phường Tây Hoa Lư. Trên tuyến có **03 trọng điểm** (cống Âu Chanh tại K4+360; đoạn tường kè từ K0+150 - K0+550 và các cửa khẩu đoạn tường kè K0+000 - K2+514).

- Tuyến đê hữu Hoàng Long (đê cấp III) dài 19,40 km bắt đầu từ hồ Thường Xung và kết thúc tại cống Cầu Đen. Trên tuyến có **01 trọng điểm** (tràn sự cố tràn Lạc Khoái đoạn K12+850 - K13+000).

- Tuyến đê tả Hoàng Long (đê cấp III) dài 23,988 km bắt đầu (K0) điểm tiếp giáp với đê Đàm Cút đến cầu Gián Khẩu. Trên tuyến có **01 trọng điểm** (đoạn từ K20+290 - K21+460 một số vị trí mặt đê bị lún, nứt, vỡ).

- Tuyến đê Năm Căn, tường kè Nho Quan và đập hồ Yên Quang (đê cấp IV) dài 20,6 km. Trên tuyến có **03 trọng điểm** (cống Tràng An tại K4+658; cống xả trạm bơm Tràng An cũ tại K4+165; xây hào kỹ thuật tại K3+201).

- Tuyến đê Đàm Cút (đê cấp III) dài 14 km bắt đầu từ K0 cống Mai Phương và kết thúc tại cống Địch Lộng.

- Tuyến đê Đức Long – Gia Tường – Lạc Vân (đê cấp IV) dài 11,8 km. Trên tuyến có **03 trọng điểm** (Tràn Gia Tường tại K3+130 - K3+330 và Tràn Đức Long tại K6+150 - K6+350; cống tại K11+750).

- Tuyến đê hữu Vạc dài 26,931 km (đê cấp III dài 4,931 km từ K22+000 đến K26+931; đê cấp IV có chiều dài 22 km từ K0 đến K22). Trên tuyến có **01 trọng điểm** (đoạn từ K23+600 - K25+000).

- Tuyến đê tả Vạc dài 27,903 km (đê cấp III dài 5,903 km từ K22+000 đến K27+903; đê cấp IV có chiều dài 22 km từ K0 đến K22).

- Tuyến đê biển Giao Thủy (đê cấp IV) dài 31,161 km. Đầu tuyến K0 giáp K9+702 đê cửa sông hữu Hồng, cuối tuyến K31+161 giáp K1+160 đê cửa sông tả Sò. Trên tuyến có **05 trọng điểm** (cống tiêu Đại Đồng tại K11+327; đoạn từ K17+054 - K19+586; đoạn từ K19+586 - K23+295; Cống Vay từ K24+150 - K24+850; đê Nam Công Đoàn từ K30+550 - K30+900).

- Tuyến đê biển Hải Hậu dài 29 km, Đầu tuyến K0 giáp K2+180 đê cửa sông hữu Sò, cuối tuyến K29 giáp K7+291 đê cửa sông tả Ninh Cơ. Trên tuyến

có **03 trọng điểm** (đoạn từ K21+712 -K27+060 kè Hải Thịnh 2, Kè Hải Thịnh 3; đê, kè Cồn Tròn đê biển K20+000 - K21+712; đê, kè Đình Mùi từ K13+650 - K17+236).

- Tuyến đê biển Nghĩa Hưng dài 15 km, đầu tuyến K0 giáp K6+556 đê cửa sông hữu Ninh Cơ, cuối tuyến K15 giáp K12+558 đê cửa sông tả Đáy.

- Tuyến đê Bình Minh II (đê cấp III) dài 25,2 km, bắt đầu từ cống Như Tân và kết thúc tại cống Càn Cụt.

- Tuyến đê biển Bình Minh III (đê cấp V) dài 15 km, bắt đầu từ cống CT3 và kết thúc tại cống CT1. Trên tuyến có **02 trọng điểm** (đoạn từ K7+400 - K7+500 và đoạn từ K8+100 - K8+200).

- Tuyến đê Bình Minh IV có tổng chiều dài 6,303 km (từ đê BM3 đến đường ra Cồn Nổi).

- Đê hữu sông Bến Đang (đê cấp V) dài 18,592 km. Trên tuyến có **03 trọng điểm** (đoạn đê bao khu vực Hàm chui Tổ dân phố 12, phường Tân Bình có chiều dài khoảng 80m; đoạn từ giáp ranh địa phận xã Sơn Hà (huyện Nho Quan cũ) đến cống 2/9 chiều dài 1,5 km; các cống trên đê và đoạn đê từ K0+000 - K7+675).

- Đê tả sông Bến Đang (đê cấp V) dài 5,008 km. Trên tuyến có **01 trọng điểm** (cống tại C151+013).

- Đê hữu sông Cầu Do. Trên tuyến có **01 trọng điểm** (đoạn K0+900 - K1+500 từ thôn Đàm Khánh Đông đến trạm bơm xã Yên Thắng).

- Tuyến đê tả Nhuệ (đê cấp IV) dài 12,250 km, điểm đầu giáp thành phố Hà Nội điểm cuối giáp cầu Ba Đa. Trên tuyến có **01 trọng điểm** (cống A3-1 tại K63+472).

- Tuyến đê hữu Nhuệ (đê cấp IV) dài 10,65 km, điểm đầu tại cống Kẹo giáp thành phố Hà Nội, điểm cuối giáp đê tả Đáy. Trên tuyến có **02 trọng điểm** (Cống qua đê trạm bơm Hoàng Tây; cống xả tiêu Trạm bơm Hoàng Tây).

- Tuyến đê Hoàn Uyển (đê cấp V) nằm phía bờ hữu của sông Duy Tiên dài 16,715 km.

- Tuyến đê Bắc Châu Giang (đê cấp IV) dài 17,41 km điểm đầu tại cống Điệp Sơn điểm cuối tại Quốc lộ 1A.

- Tuyến đê Nam Châu Giang (đê cấp IV) dài 23,5 km điểm đầu nối với đê hữu Hồng, điểm cuối tại Quốc lộ 1A.

- Đê chắn nước Hà Tây và tả Duy Tiên có chiều dài 16,655 km điểm đầu và điểm cuối đê hữu Hồng (tương ứng khoảng K117+900 và K127+000 Trên tuyến có **01 trọng điểm** (đoạn từ K5+636 - K8+262).

- Tuyến đê sông Ghềnh (đê cấp V): đê tả Ghềnh dài 12,35 km; đê hữu Ghềnh dài 11,895 km.

- Tuyến đê sông Trinh Nữ (đê cấp V): tuyến đê tả Trinh Nữ dài 6,0 km; tuyến đê hữu Trinh Nữ dài 7,30 km.

- Tuyến đê sông Cầu Hội (đê cấp V): tuyến đê tả cầu Hội dài 4,88 km; tuyến đê hữu cầu Hội dài 7,06 km.

- Tuyến đê sông Mới (đê cấp V): tuyến đê tả sông Mới dài 11,776 km; tuyến đê hữu sông Mới dài 9,976 km.

- Tuyến đê sông Bút Đức Hậu (đê cấp V): tuyến đê tả Bút Đức Hậu dài 7,15 km, hữu Bút Đức Hậu dài 6,599 km.

- Tuyến đê sông Hệ Dưỡng (đê cấp V): đê tả Hệ Dưỡng dài 5,936 km; đê hữu Hệ Dưỡng dài 4,621 km. Trên tuyến có **01 trọng điểm** (đoạn từ Cầu Ba Vuông đến ngã ba sông Vạc - Hệ Dưỡng dài 700m).

- Đê sông Thăng Động (đê cấp V): xuất phát từ Yên Thổ đến đê hữu sông Vạc, tổng hai bờ dài 6,528 km.

- Tuyến đê sông Nam sông Rịa (đê cấp V) dài 8 km. Trên tuyến có **03 trọng điểm** (cống tại C28+32m; cống C29+06m, cống xả tiêu trạm bơm Đồi Tràng).

- Tuyến đê sông Bắc sông Rịa (đê cấp V) dài 3,9 km. Trên tuyến có **05 trọng điểm** (cống Ông Nguyễn tại K1+586; cống xả trạm bơm Lỗi Sơn tại K2+210; cống tiêu trạm bơm Lỗi Sơn tại K2+260; cống Ngọc Động tại K4+248; cống Mai Sơn 2 tại K6+059).

- Tuyến đê tả Duy Tiên vị trí xung yếu: cắt xẻ đê và xây dựng cống qua đê thuộc hạng mục Trạm bơm Bút 1.

- Đê sông Bôi khu vực Xích Thổ - Gia Sơn - Gia Lâm (đê cấp V) dài 11,9 km.

- Đê sông Vó được xác định là trọng điểm xung yếu.

II. KHẢ NĂNG PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

Hệ thống đê, kè, cống trên địa bàn tỉnh trong nhiều năm qua được Trung ương và tỉnh quan tâm đầu tư, nâng cấp, tu bổ, duy tu, bảo dưỡng. Hệ thống đê điều của tỉnh kết hợp thực hiện công tác tuần tra, canh gác, xử lý kịp thời các sự cố theo phương châm bốn tại chỗ sẽ cơ bản đủ khả năng chống lũ theo mục nước thiết kế; cơ bản đảm bảo an toàn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phòng, chống thiên tai. Tuy nhiên, cần quan tâm kiểm tra, theo dõi một số vị trí trọng điểm xung yếu.

Phần III

NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

I. TRƯỜNG HỢP LỮ CHƯA VƯỢT TÀN SUẤT THIẾT KẾ

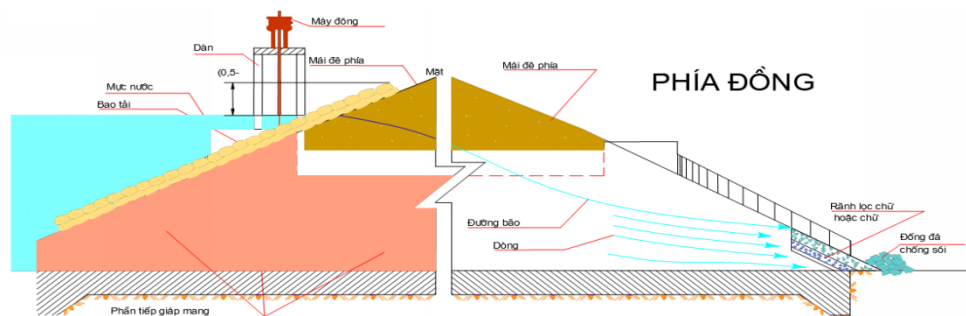
1. Giả định tình huống: Bão đổ bộ cấp 9 vào địa phận tỉnh Ninh Bình, đồng thời lũ các sông trên địa bàn tỉnh ở mức báo động III và trên báo động III. Khi đó xuất hiện đồng thời các sự cố: rò rỉ thấm lậu qua các mang cống; rò rỉ qua cửa cống; nước tràn qua mặt đê do sóng; rò rỉ qua bản đáy tường kè; rò rỉ, thấm lậu qua thân đê; sạt lở mái đê phía sông do sóng; sạt lở mái đê phía sông do dòng chảy; tràn cục bộ qua đê; cánh cửa cống bị kên; cửa cống bị gãy; mạch sủi, lỗ phụt ở hạ lưu cống...

2. Các giải pháp xử lý sự cố

2.1 Rò rỉ qua mang cống

- Lắp bịt phía sông: dùng bịt chống thấm, bao tải đất đắp áp trực lượn theo tường cánh ở phía sông, cao hơn mực nước (0,5-1,0)m.

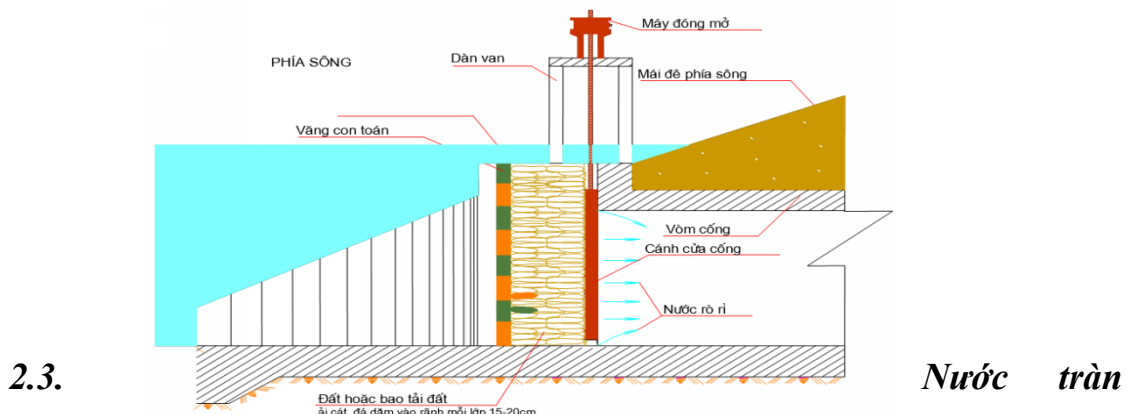
- Làm rãnh lọc phía đồng: làm rãnh lọc chữ Y hoặc chữ T theo nguyên tắc tầng lọc ngược.



2.2. Rò rỉ qua cửa cống

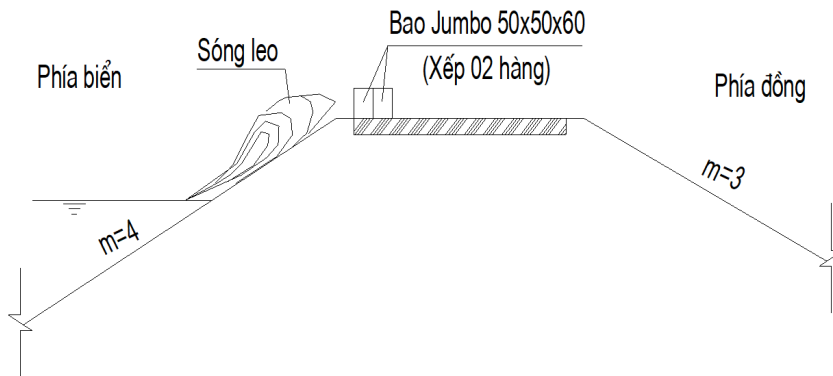
- Với các cống có phai dự phòng: triển khai thả phai dự phòng, sau đó thả bao tải đất giữa hai phai dự phòng.

- Với các cống không có phai dự phòng: làm phai dự phòng giả bằng cách dùng bạch đàn hoặc keo có đường kính $\geq 10\text{cm}$ kẹp liền nhau thành từng mảng từ 5-8 cây, sau đó tiến hành các bước như cống có phai dự phòng.



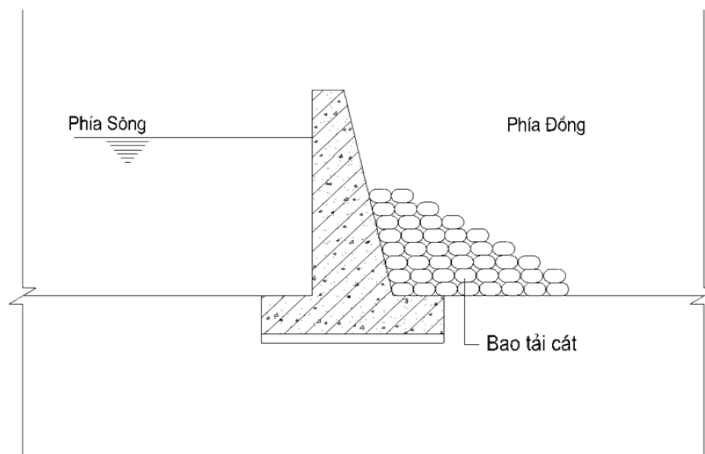
qua mặt đê do sóng:

Đắp con trạch bằng bao tải Jumbo lên mặt đê phía biển để chống sóng leo làm nước tràn qua mặt đê gây sạt lở mái phía đông.

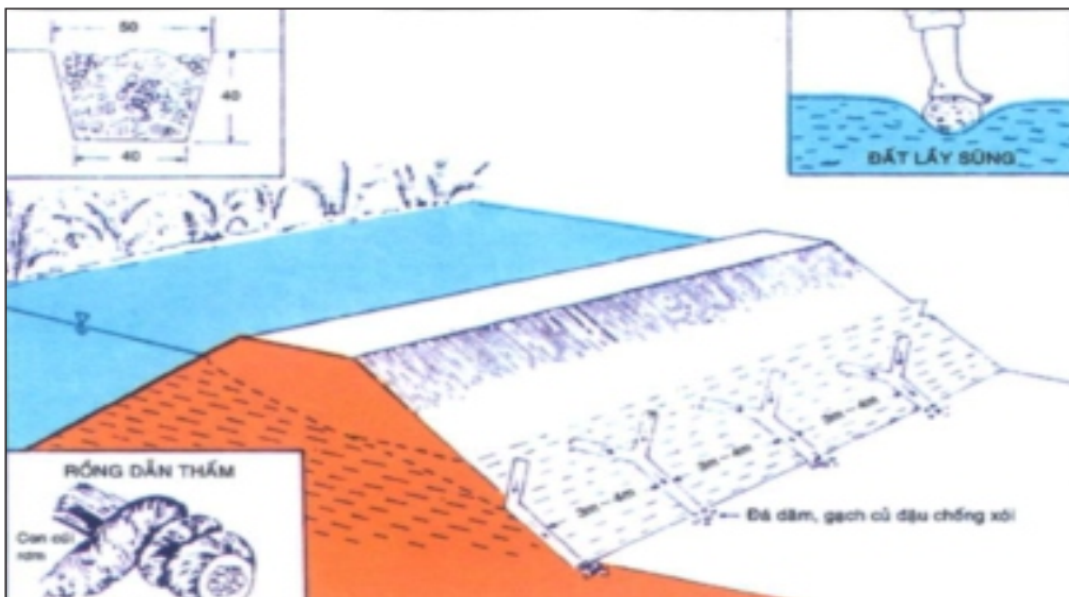


2.4. Rò rỉ qua bản đáy tường kè

Dùng bao tải cát đắp chân tường kè mái phía đông

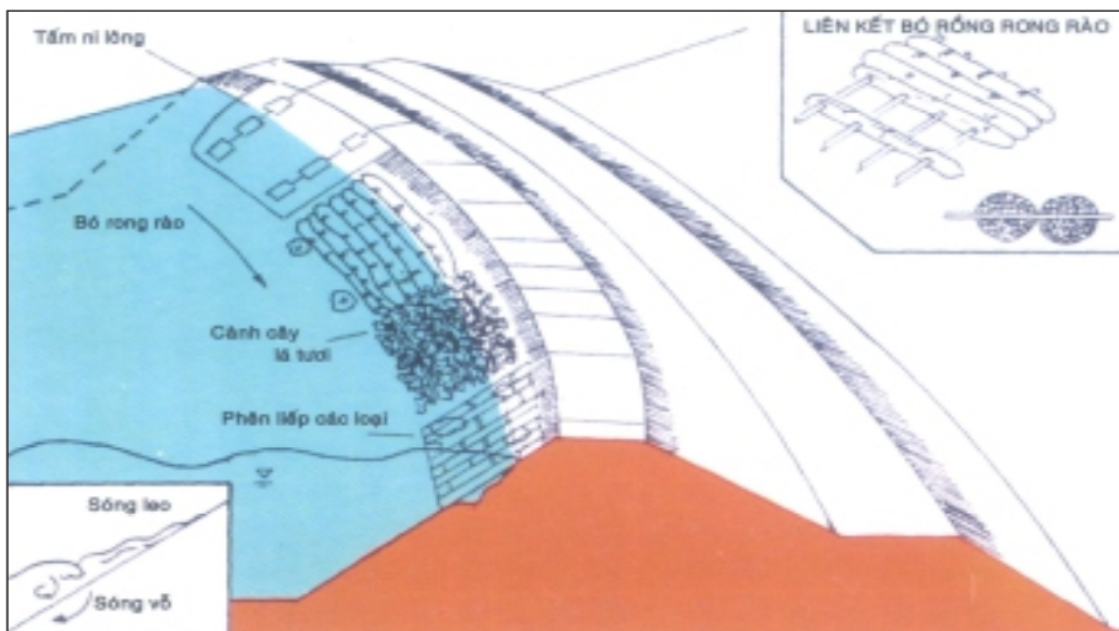


2.5. Xử lý sự cố thấm ướt sũng mái đê phía đông



- Lọc ngược rút nước, phòng trượt mái sau;
- Ròng dẫn thấm bằng nguyên vật liệu địa phương;
- Lõi ròng bằng bó cành cây, lá mía, lau sậy, cành lá phi lao, bó que đay có đường kính 20cm, dài 1 đến 3m, phía ngoài vắn rơm con cúi dày 8 - 10cm hoặc 2 đến 3 lớp bao cối, bao tải hoặc chiếu rách. Đặt ròng dẫn thấm xuống rãnh thấm (hình chữ Y) sâu 40cm, rộng 40cm, khoảng cách giữa các rãnh thấm 3 - 4m; Nếu đất lầy sũng thì đặt ròng dẫn thấm dùng chân nhấn chìm bằng sức nặng của người. Cuối rãnh dẫn thấm bỏ đá dăm, hay sỏi, gạch củ đậu chống xói.

2.6. Xử lý sự cố sạt lở mái đê phía sông do sóng



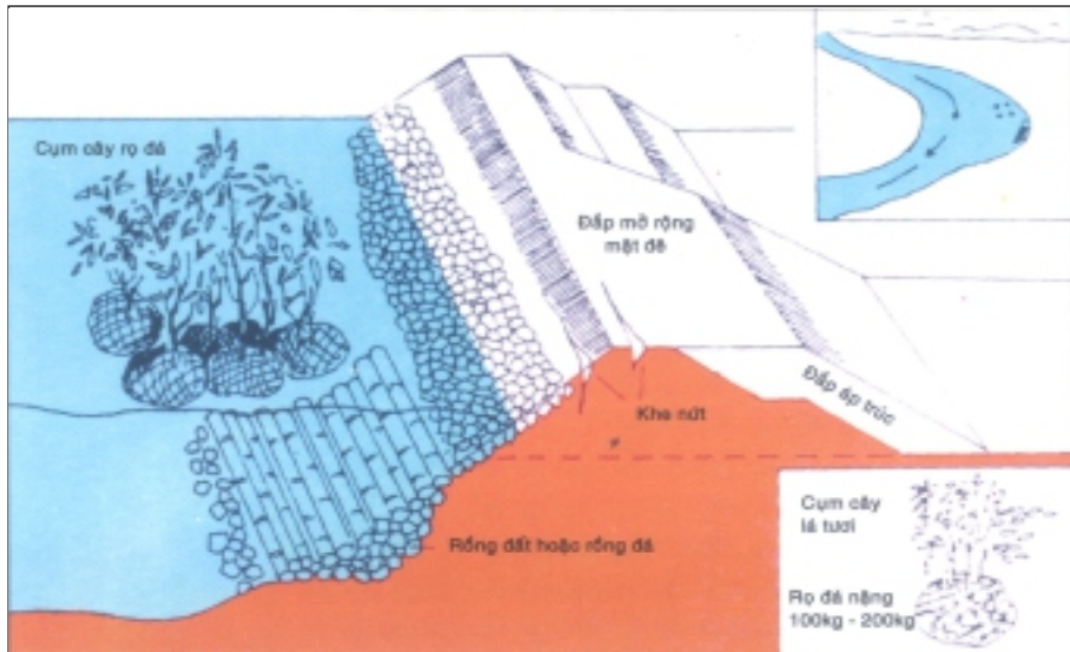
- Phên tre, nứa cát, liếp, cành cửa các loại v.v.... liên kết thành từng mảng dài 4 - 5m, rộng 3 - 3,5m.
- Cành cây lá tươi bó thành búi lớn buộc vào 3 cây tre liên kết thành mảng dài dày 6 - 7m, rộng 3m.
- Bó rong rào dài 4 - 5m có đường kính 15 - 20cm kết thành mảng lớn. Cả 3 cách trên đều phải phủ kín phần mái đê có sóng vỗ sao cho sóng leo không vượt ra phần đất mái phía trên, dùng bao tải đá dăm hay rọ thép đựng đá hộc nặng 50 - 60kg đè lên và neo buộc chặt bằng sợi dây tre ra mái hạ lưu.

Nếu có ni lông tấm phủ kín mái đê đê bằng bao tải đất cát.

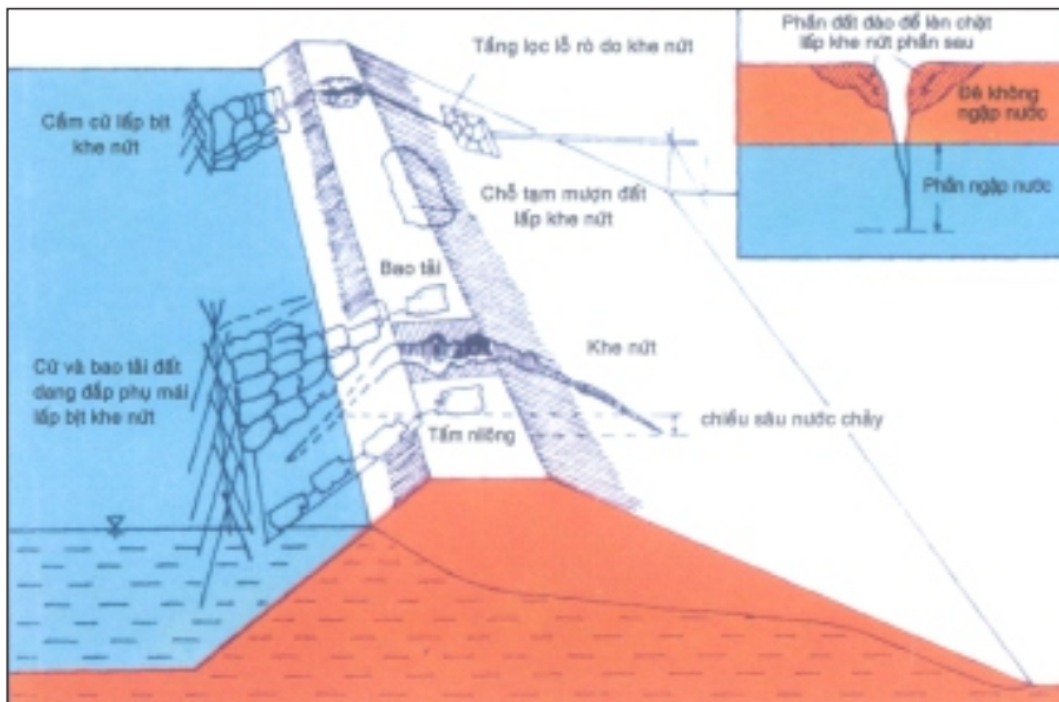
2.7. Xử lý sự cố sạt lở mái đê phía sông do dòng chảy

- Thả ròng đá hoặc ròng đất giữ chân nơi xói lở.
- Nếu lở mái đứng phải kiên quyết bạt nhẹ mái đê hạn chế xói lở.
- Thả cụm cây, rọ đá tại thành kè mềm lái dòng, gậy bồi, chống xói ở thượng lưu chỗ sạt lở và thả xuống các hố xói sát bờ nếu có.

- Khẩn trương đắp áp trúc và mở rộng mặt đê phía đồng phòng khi đê bị sạt lở lớn.



2.8. Xử lý sự cố nứt ngang nước chảy qua đê



- Bằng mọi cách khẩn cấp chặn dòng nước chảy: tẩm ni lông (áo mưa), quần áo, thân người, phen cát, bó rom, chăn, chiếu và bằng mọi cách bịt đường nước vào ở mái thượng lưu để chặn dòng nước chảy hoặc cùng lắm cũng giảm bớt tốc độ chảy gây xói lở đê.

- Đào đất phân trên khe nứt không ngập nước, lấy cán thuổng hoặc gộc tre, gỗ, lèn đất xuống khe nứt phần sâu có nước chảy.

- Tạm mượn đất phần mái đê hạ lưu nơi khác nêo bịt khe nứt và cắm cừ phụ mái lấp khe nứt ở phía sông. Nếu khe nứt chưa bịt hết còn lỗ rò, tiếp tục làm tầng lọc ở hạ lưu, bắc máng dẫn nước ra ngoài chân đê.

- Sau khi lấp xong khe nứt, tiến hành đắp trả lại phần đê bị đào mượn đất xử lý.

2.9. Xử lý sự cố tràn cục bộ qua đê

- Trường hợp nước xấp xỉ tràn: khẩn trương lấy đất dự trữ đắp con trạch chống tràn.

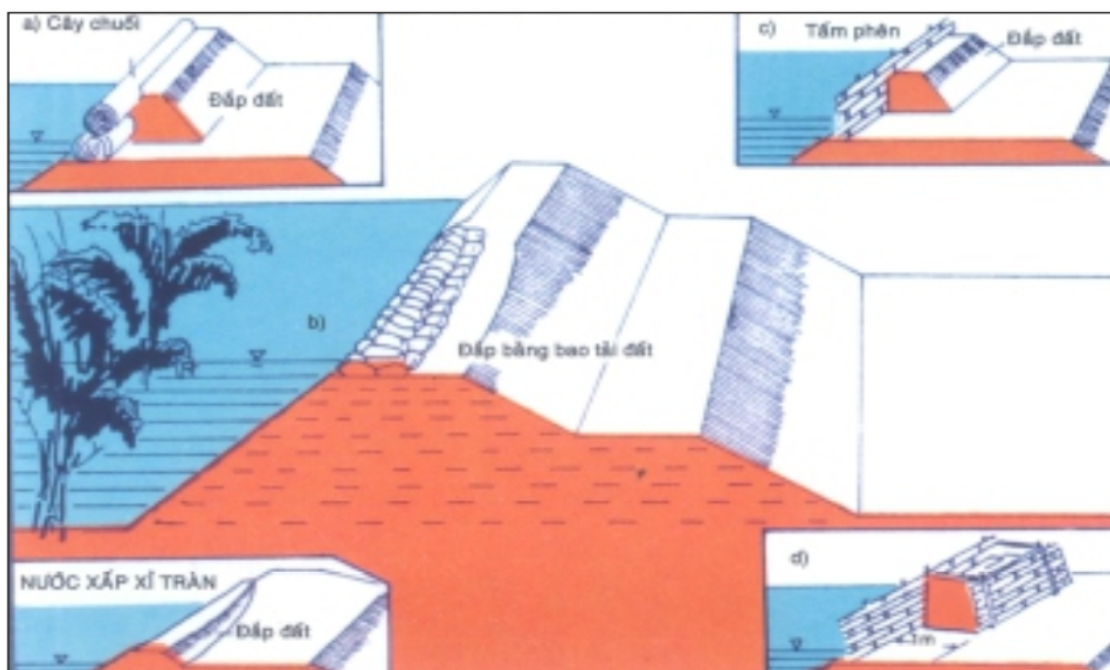
- Trường hợp nước tiếp tục lên và tràn qua đê thì phải thực hiện biện pháp vừa chống tràn vừa chống sóng dùng một trong các cách sau đây:

+ Ghép 2 hoặc 3 cây chuối bằng cọc tre đóng phía thượng lưu và lấy đất đắp phía sau.

+ Dùng bao tải đất đắp con trạch lớp dưới rộng hơn lớp trên theo kiểu hình thang.

+ Dùng tấm phen, liếp cánh cửa, tấm ván... đóng cọc nẹp giữ chắc và đắp đất, bao tải đất phía sau.

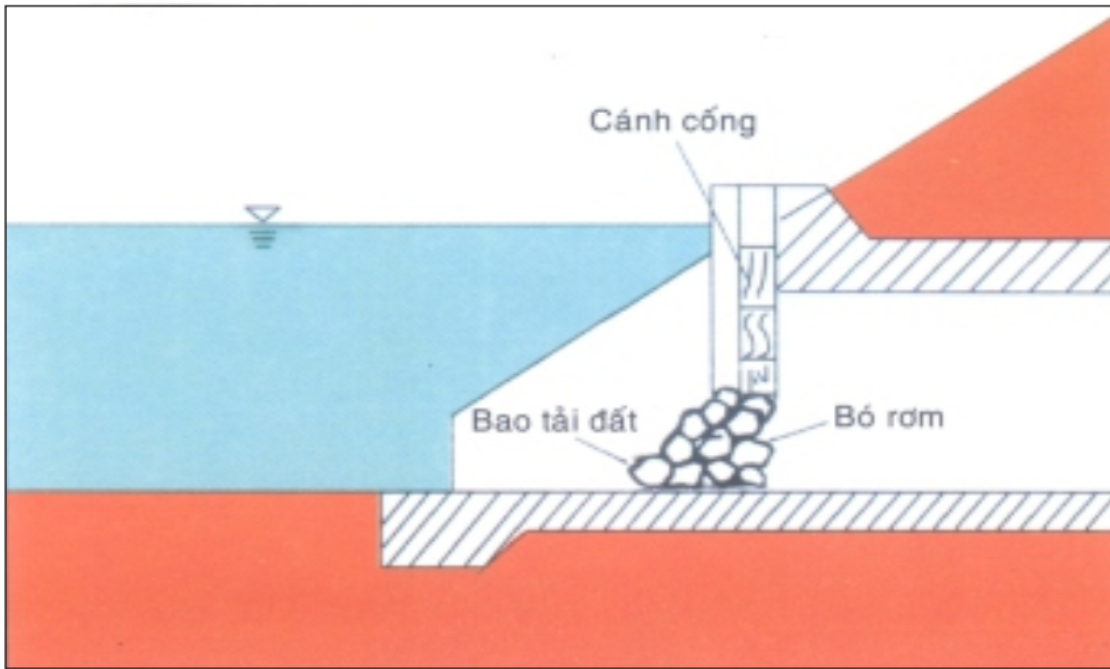
Đóng 2 hàng cọc khoảng cách 1m dựng tấm phen hoặc tấm ván... nẹp bằng sợi dây tre, giữa đắp đất lèn kỹ.



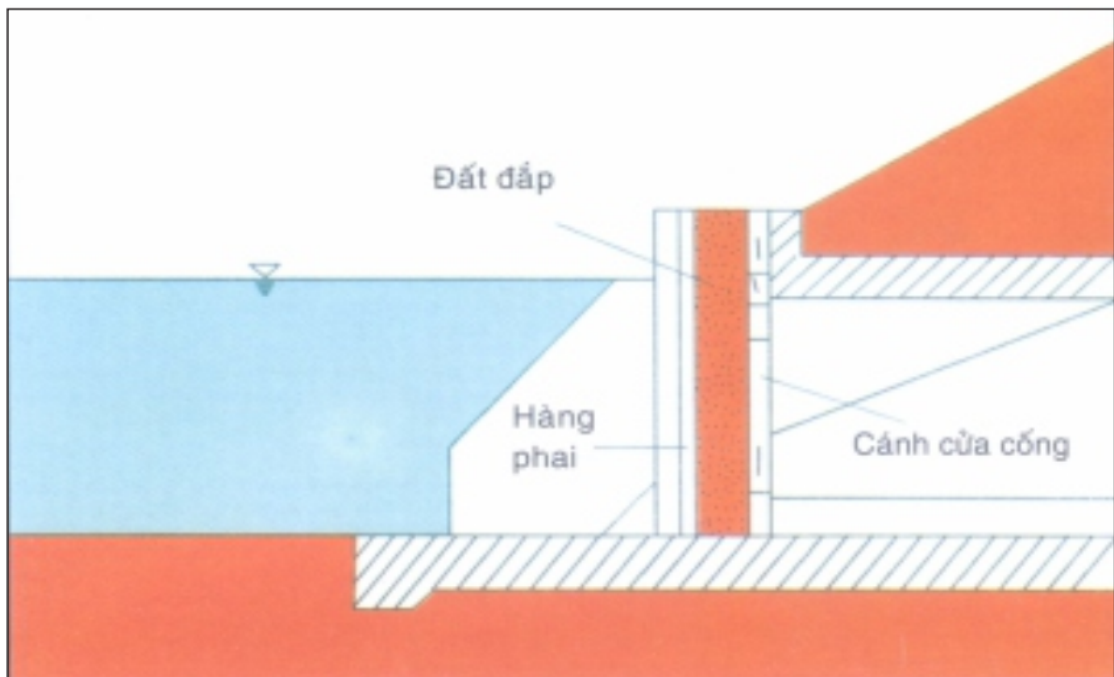
2.10. Xử lý sự cố cánh cửa cống bị kênh

Đóng phai phía đồng, nâng mức nước sau cửa cống để giảm chênh lệch mức nước trước và sau cửa cống (chỉ đóng khoảng 4/5 đến 3/4 số tấm phai để cống khỏi bị tức hơi). Đứng trên tường đầu hay giàn công tác dùng sào đưa các

bó rom, rạ xuống trước khe hở, nước sẽ cuốn các bó rom rạ vào khe hở. Sau đó thả một số bao tải đất sát cửa cống ở phía thượng lưu để bịt dòng chảy.



2.11. Xử lý sự cố tẩm phai của cống bị gãy

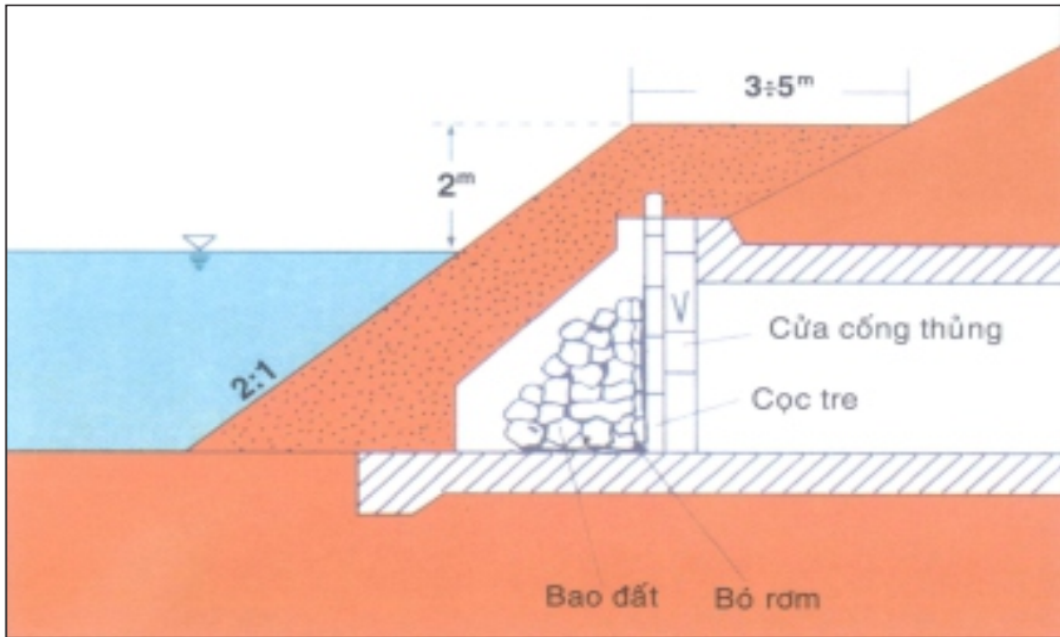


- Nếu cống có rãnh phai ở phía thượng lưu và mức nước lũ chưa ngập quá tường đầu thì ở phía thượng lưu thả các tấm phai xuống và tiến hành đắp đất hay bao tải đất vào giữa hàng phai và cửa van.

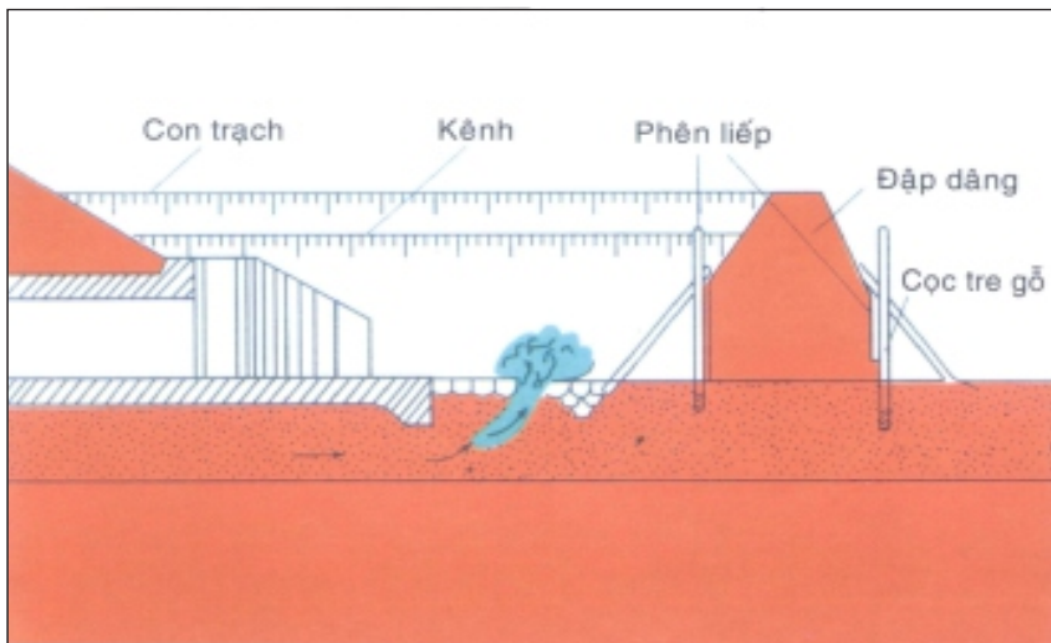
- Nếu cống nhỏ, không có rãnh phai sửa chữa, cửa cống bị ngập sâu trong nước thì có thể buộc những bó rom vào đầu cây tre để dò tìm chỗ hỏng. Khi đã tìm được miệng lỗ thì dùng sào đưa các bó rom rạ xuống, sau đó thả các bao tải đất để lấp bịt.

2.12. Xử lý sự cố cống bị gãy cánh cửa

Nếu cống không có rãnh phai sửa chữa thì phải hoành triệt bằng cách: dùng các cọc tre đục hoặc gỗ dựng tựa vào đỉnh cống, trước vị trí cách cống bị gãy, hoặc làm khung giả đặt xuống, rồi theo thứ tự thả bó rơm có đường kính 0,4 - 0,6m, tiếp theo thả 4 - 5 hàng bao tải đất cho tới khi cao quá chỗ cửa bị gãy 0,5 - 1m. Phía ngoài tiếp tục đổ đất để củng cố. Đắp đất cao hơn tường đầu ít nhất 2m, mái 2/1, chiều rộng 3 - 5m, đắp ra xa phía tường cánh gà mỗi bên 4 - 5m.



2.13. Xử lý sự cố mạch suối, lỗ phụt ở hạ lưu cống



- Nâng cao mực nước ở hạ lưu cống để giảm bớt áp lực thấm, làm cho đất, cát ở nền cống không bị xói trôi. Có thể nâng cao mực nước ở hạ lưu bằng 2 cách sau:

+ Nếu ở kênh phía đồng có công trình điều tiết gần cống thì đóng cống điều tiết để nâng mực nước ở phía đồng.

+ Nếu không có công trình điều tiết thì đập một đập dâng nước qua kênh ở phía đồng. Vị trí đập phải đủ xa để khỏi sinh ra mạch sỏi mới ở hạ lưu đập, đập dâng cách sân sau từ 30 - 100m là đủ.

- Để giảm khối lượng đất đắp, có thể cắm hai hàng cọc tre, lót phân rồi đổ đất vào giữa với mặt rộng từ 2 - 3m. Chiều cao lấy tùy theo mạch sỏi mạnh hay yếu. Cao trình đỉnh đập phải cao hơn mực nước cần dâng từ 0,5 - 0,8m. Nếu bờ kênh từ cống ra đến đập dâng nước còn thấp thì phải tôn cao bằng con trạch. Chiều cao con trạch cũng phải cao hơn mực nước cần dâng từ 0,5 - 0,8m.

4. Nhu cầu vật tư, phương tiện, nhân lực

- Đối với các trọng điểm của tỉnh bao gồm:

+ Trọng điểm Âu Chanh được nằm trên đê Trường Yên, thuộc phường Tây Hoa Lư;

+ Trọng điểm Cống Lạc Thiện I tại K70+198 đê hữu Đáy thuộc xã Quang Thiện;

+ Trọng điểm Cống Mộc Nam tương ứng K123+050 đê hữu Hồng thuộc phường Duy Tân;

+ Trọng điểm Cụm công trình đầu môi cống, âu thuyền Tắc Giang tương ứng K129+420 - K129+530 đê hữu Hồng thuộc phường Duy Tiên, xã Lý Nhân, xã Nam Xang;

+ Đê hữu Ninh đoạn từ K28+150 – K39+000 và đê cửa sông hữu Ninh đoạn từ K0+000 – K1+500, thuộc địa phận các xã Nghĩa Sơn và xã Hồng Phong;

+ Kè Hải Thịnh 2 và kè Hải Thịnh 3 đoạn từ K21+712 – K27+060, đê biển Hải Hậu, thuộc địa phận xã Hải Thịnh;

Nhu cầu vật tư, phương tiện, nhân lực theo phương án bảo vệ trọng điểm của tỉnh đã được phê duyệt.

- Các trọng điểm còn lại giao cho UBND các xã, phường xây dựng phương án bảo vệ đảm bảo an toàn cho công trình khi có bão lũ xảy ra theo đúng hướng dẫn của Cục Quản lý đê điều và Phòng chống thiên tai tại Văn bản số 243/ĐĐ-QLĐĐ ngày 11/2/2026 của Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai về việc tổ chức đánh giá hiện trạng công trình đê điều, xác định trọng điểm đê điều xung yếu và xây dựng phương án hộ đê năm 2026.

5. Phương án chỉ huy, điều phối

- Trưởng ban, các phó trưởng ban, các ủy viên và thành viên Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh trực tiếp chỉ đạo, điều hành công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn khi có thiên tai, sự cố xảy ra tại các địa bàn được phân công.

- Ủy ban nhân dân các xã, phường; Trưởng các Ban Quản lý dự án; Giám đốc các công ty Khai thác công trình thủy lợi có trách nhiệm xây dựng và thực hiện phương án bảo vệ trọng điểm thuộc các lĩnh vực mình quản lý và phối hợp chỉ đạo công tác xử lý sự cố trên địa bàn.

- Đối với các trường hợp khi sự cố diễn ra với mức độ lớn hơn dự kiến mà nhu cầu cần huy động vật tư, phương tiện, nhân lực vượt khả năng huy động của địa phương nơi xảy ra sự cố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; Trưởng các Ban Quản lý dự án; Giám đốc các công ty TNHH Một thành viên khai thác công trình thủy lợi phải báo cáo ngay cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để huy động, điều phối vật tư, phương tiện, nhân lực để xử lý sự cố.

II. TRƯỜNG HỢP LŨ VƯỢT TÀN SUẤT THIẾT KẾ

1. Giả định tình huống: Lũ trên sông Hoàng Long, sông Đáy, sông Hồng, sông Ninh Cơ, sông Đào và các sông nội đồng vượt tàn suất thiết kế và dự báo sẽ vượt MNTK đến +0,5m.

2. Xác định tình huống xảy ra

- Xuất hiện tràn nước qua mặt đê đoạn từ K13+900 - K17+400 đê hữu Hoàng Long.

- Xuất hiện tràn nước qua mặt đê đoạn từ K19+500 - K21+000 đê tả Vạc.

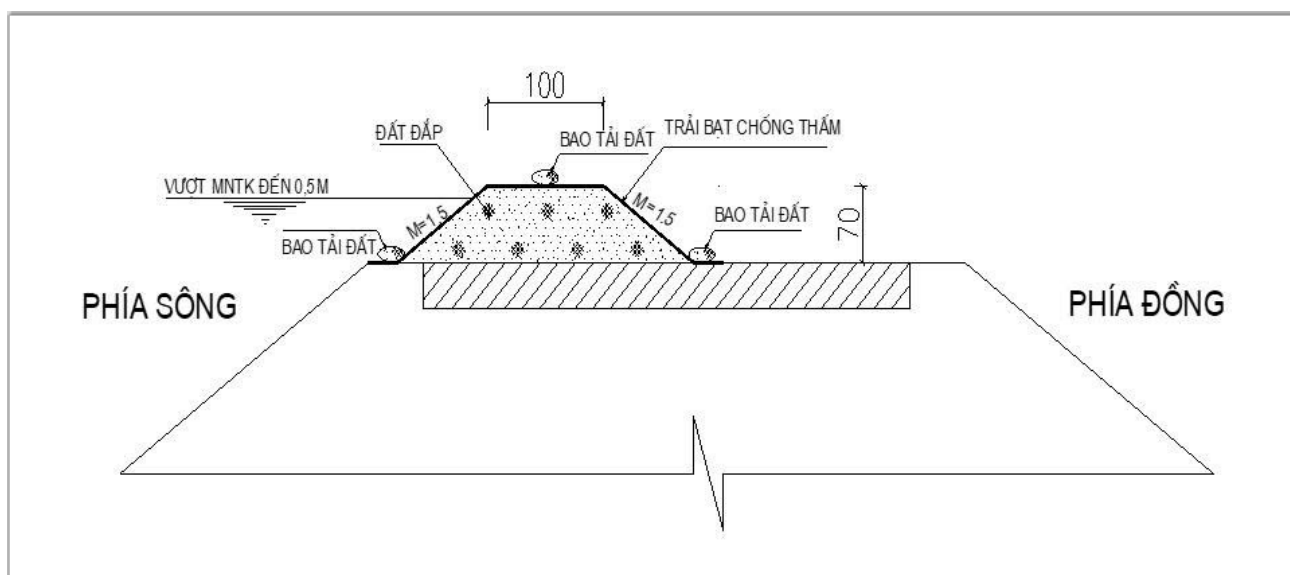
- Xuất hiện tràn nước qua mặt đê đoạn từ K33+000 – K35+214 đê hữu Ninh.

- Xuất hiện tràn nước qua mặt đê đoạn từ K203+400 - K206+910 đê hữu Hồng.

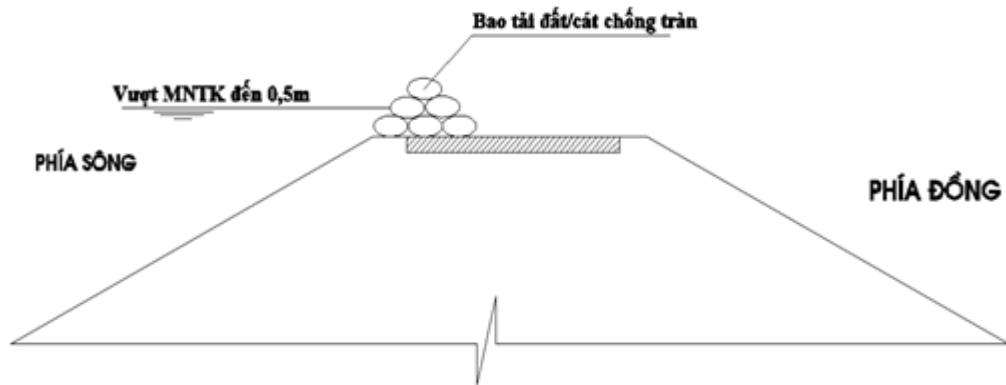
- Xuất hiện tràn nước qua mặt đê đoạn từ K25+390 – K25+890 đê tả Đào.

3. Giải pháp xử lý

- Đoạn từ K13+900 - K17+400 đê hữu Hoàng Long; đoạn từ K33+000 – K35+214 đê hữu Ninh; đoạn từ K203+400 – K206+910 đê hữu Hồng: đắp con trạch bằng đất bọc bạt chống thấm và bao tải đất.



- Đoạn từ K19+500 - K21+000 đê tả Vạc; đoạn từ K25+390 – K25+890 đê tả Đào: xử lý đắp nâng cao trình đỉnh đê bằng bao tải cát.



4. Công tác chỉ đạo điều hành

- Các đồng chí thành viên Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã nơi xảy ra tràn được giao phối hợp chỉ đạo công tác xử lý.

- Các đồng chí thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Thủy lợi, Trung tâm TVXD Nông nghiệp và PTNT được phân công nhiệm vụ trực tiếp hướng dẫn kỹ thuật để xử lý.

- Trụ sở Chỉ huy:

+ Đối với tuyến đê hữu Hoàng Long: trụ sở Đảng ủy xã Gia Phong;

+ Đối với tuyến đê tả Vạc: trụ sở UBND xã Phát Diệm;

+ Đối với tuyến đê hữu Ninh: trụ sở Công an xã Nghĩa Sơn;

+ Đối với tuyến đê hữu Hồng: trụ sở Công an xã Xuân Giang;

+ Đối với tuyến đê tả Đào: trụ sở UBND xã Đồng Thịnh.

5. Công tác huy động lực lượng

5.1. Xử lý chống tràn trên tuyến đê hữu Hoàng Long

- Tổng số lực lượng tham gia xử lý từ: 4.700-6.000 người. Trong đó:

+ Lực lượng xung kích cấp xã: 3.500–4.200 người;

+ Lực lượng Quân đội: 1.000-1.500 người;

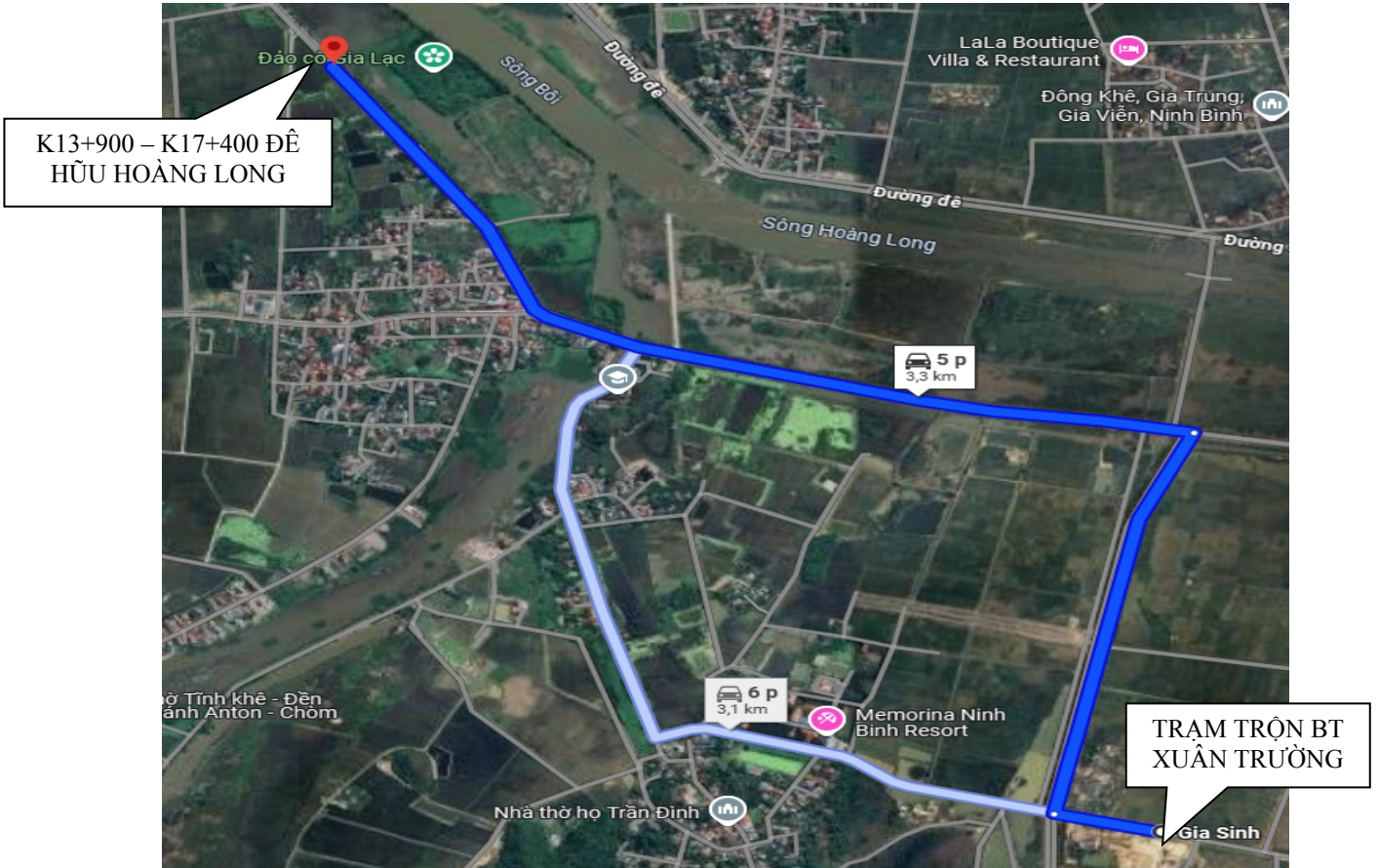
+ Lực lượng Công an tỉnh: 200-300 người.

- Tuyến đường cơ động:

+ Lực lượng xung kích cấp xã tập kết tại khu vực Trạm trộn bê tông Xuân Trường (trước cửa chùa Bái Đính) cách khu vực xử lý khoảng 3,3 km (Có sơ họa tuyến đường cơ động).

+ Lực lượng Quân đội, Công an tỉnh tập kết tại trụ sở Đảng ủy xã Gia Phong cách khu vực xử lý khoảng 1,4 km (Có sơ họa tuyến đường cơ động).

Sơ họa tuyến đường cơ động từ Trạm trộn bê tông Xuân Trường



Sơ họa tuyến đường cơ động từ trụ sở Đảng ủy xã Gia Phong



Sơ họa tuyến đường cơ động từ trụ sở UBND xã Phát Diệm



5.3. Xử lý chống tràn trên tuyến đê hữu Ninh

- Tổng số lực lượng tham gia xử lý từ: 3.200-4.000 người. Trong đó:
 - + Lực lượng xung kích cấp xã: 2.000–2.400 người;
 - + Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: 800-1.000 người;
 - + Công an tỉnh Ninh Bình: 400-600 người.
- Tuyến đường cơ động:
 - + Lực lượng xung kích cấp xã tập kết tại trường THCS Nghĩa Lạc cách khu vực xử lý khoảng 1,7 km (Có sơ họa tuyến đường cơ động).
 - + Lực lượng Quân đội, Công an tỉnh tập kết tại trụ sở Công an xã Nghĩa Sơn cách khu vực xử lý khoảng 1,7 km (Có sơ họa tuyến đường cơ động).

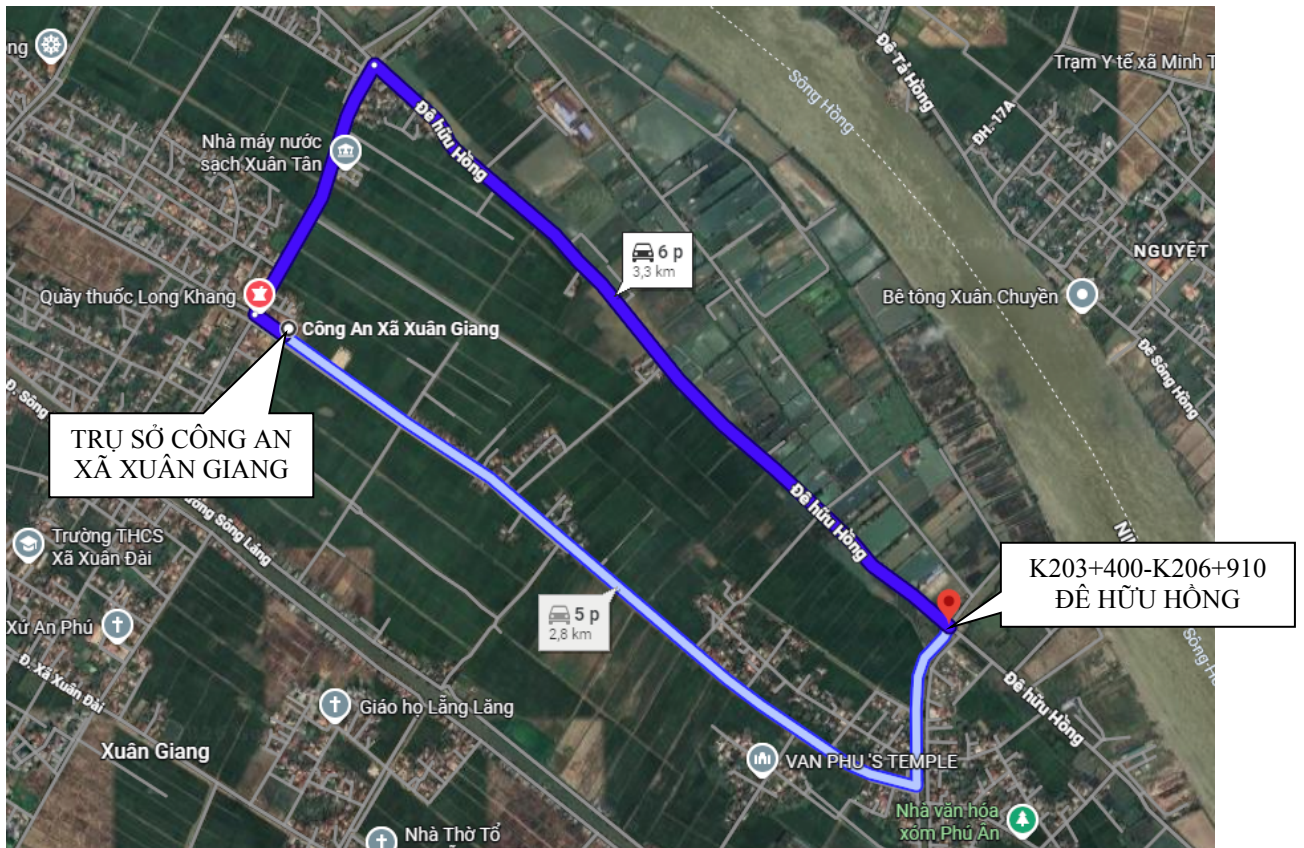
Sơ họa tuyến đường cơ động từ trụ sở Công an xã Nghĩa Sơn và trường THCS Nghĩa Lạc



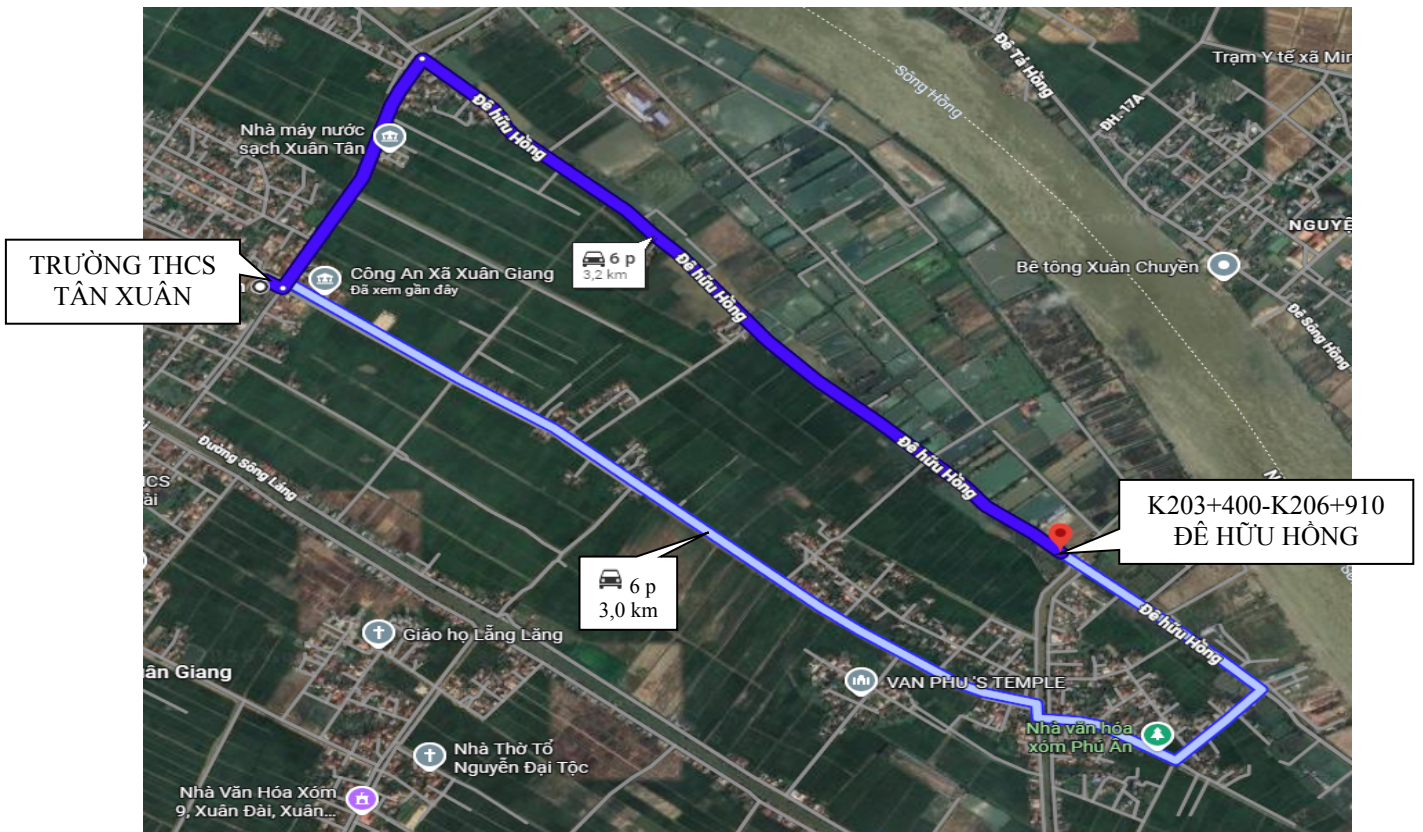
5.4. Xử lý chống tràn trên tuyến đê hữu Hồng

- Tổng số lực lượng tham gia xử lý từ: 4.700-6.000 người. Trong đó:
 - + Lực lượng xung kích cấp xã: 3.500–4.200 người;
 - + Lực lượng Quân đội: 1.000-1.500 người;
 - + Lực lượng Công an tỉnh: 200-300 người.
- Tuyến đường cơ động:
 - + Lực lượng xung kích cấp xã tập kết tại trường THCS Tân Xuân cách khu vực xử lý khoảng 3,2 km (Có sơ họa tuyến đường cơ động).
 - + Lực lượng Quân đội, Công an tỉnh tập kết tại trụ sở Công an xã Xuân Giang cách khu vực xử lý khoảng 3,3 km (Có sơ họa tuyến đường cơ động).

Sơ họa tuyến đường cơ động từ trụ sở Công an xã Xuân Giang



Sơ họa tuyến đường cơ động từ trường THCS Tân Xuân



5.5. Xử lý chống tràn trên tuyến đê tả Đào

- Tổng số lực lượng tham gia xử lý từ: 800-1.200 người. Trong đó:
 - + Lực lượng xung kích cấp xã: 500–700 người;
 - + Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: 100-200 người;
 - + Công an tỉnh Ninh Bình: 200-300 người.
- Tuyến đường cơ động:
 - + Lực lượng xung kích cấp xã, lực lượng Quân đội, Công an tỉnh tập kết tại UBND xã Đồng Thịnh cách khu vực xử lý khoảng 2,1 km (Có sơ họa tuyến đường cơ động).

Sơ họa tuyến đường cơ động từ UBND xã Đồng Thịnh

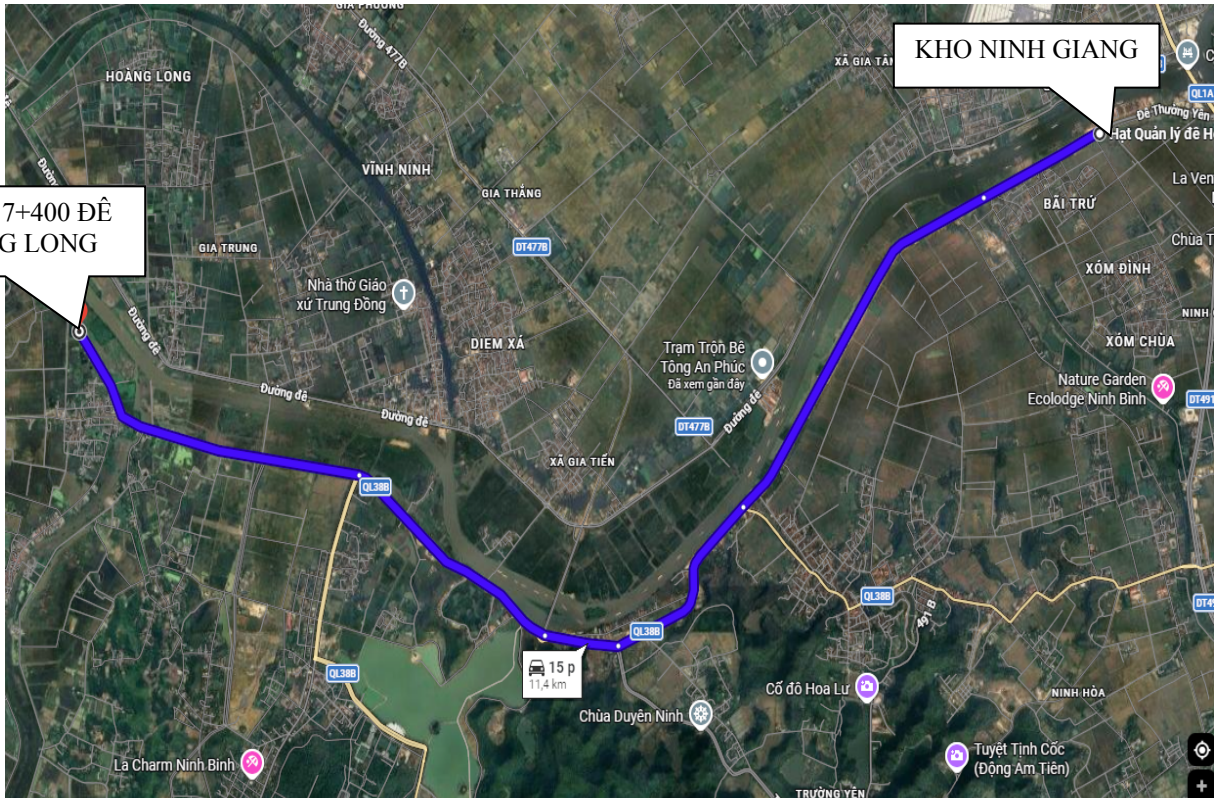


6. Vật tư, phương tiện chính

6.1. Xử lý chống tràn trên tuyến đê hữu Hoàng Long

- Đất 6.450 m³ được huy động từ bãi đất phía sau chùa Bái Đính cách khu vực xử lý 5,7 km (Có sơ họa tuyến đường vận chuyển).
- Bao tải (38.500 cái) và bạt chống thấm (28.000 m²) được huy động từ kho Ninh Giang cách khu vực xử lý từ 11,4 km (Có sơ họa tuyến đường vận chuyển).

Sơ họa tuyến đường vận chuyển bao tải từ kho Ninh Giang



Sơ họa tuyến đường vận chuyển đất từ bãi sau chùa Bái Đính



6.2. Xử lý chống tràn trên tuyến đê tả Vạc

- Cát 820 m³ được huy động từ cửa hàng vật tư xây dựng Báu Tuyết cách khu vực xử lý từ 5,1 km (Có sơ họa tuyến đường vận chuyển).

- Bao tải 33.000 cái được huy động từ kho Yên Khánh và kho Bình Minh các khu vực xử lý từ 17 – 24 km (Có sơ họa tuyến đường vận chuyển).

Sơ họa tuyến đường vận chuyển cát từ cửa hàng vật tư xây dựng Báu Tuyết

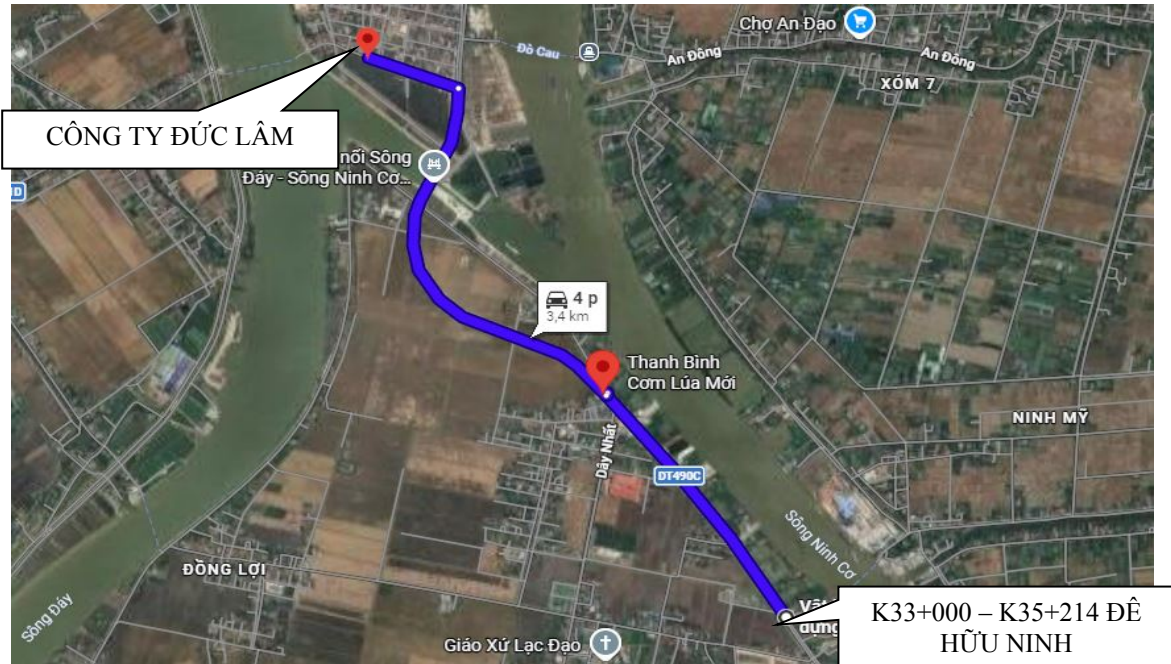


6.3. Xử lý chống tràn trên tuyến đê hữu Ninh

- Đất 3.390 m³ được huy động từ bãi đất công ty Đức Lâm cách khu vực xử lý 3,4 km (*Có sơ họa tuyến đường vận chuyển*).

- Bao tải (20.000 cái) và bạt chống thấm (14.500 m²) được huy động từ kho Hạt QLĐ Nghĩa Hưng cách khu vực xử lý 12,6 km (*Có sơ họa tuyến đường vận chuyển*).

Sơ họa tuyến đường vận chuyển đất



Sơ họa tuyến đường vận chuyển bao tải, bạt chống thấm



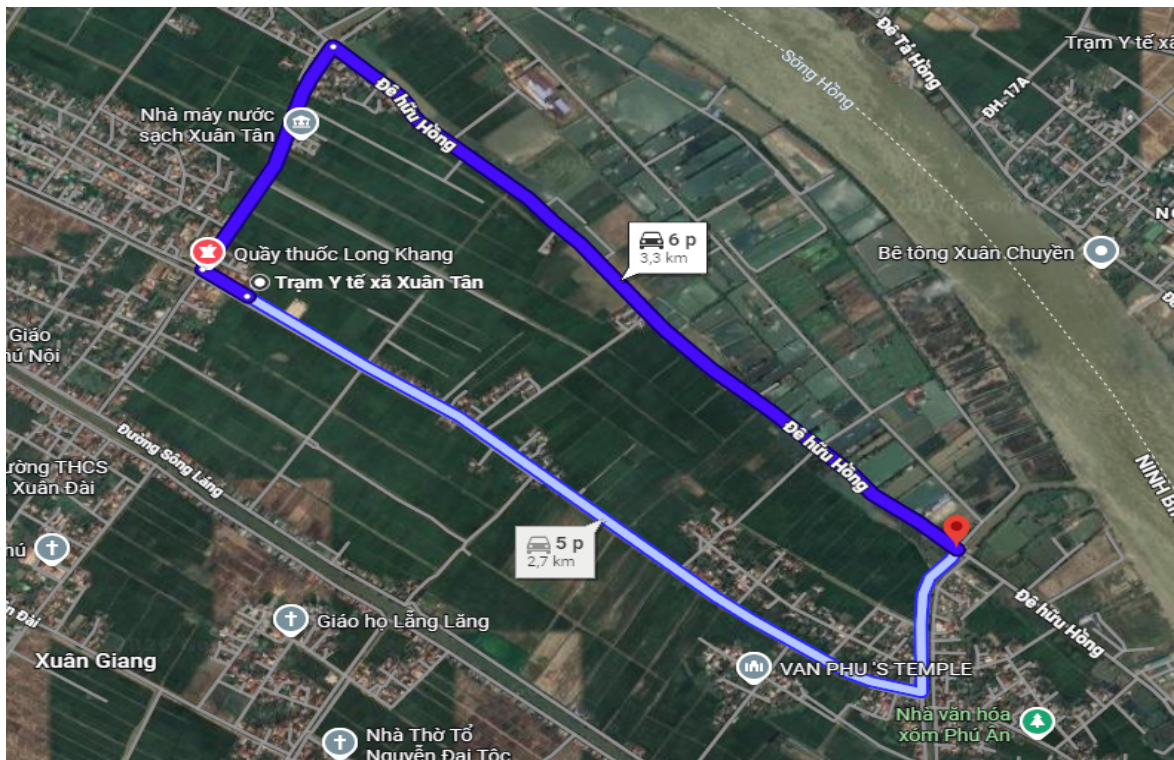
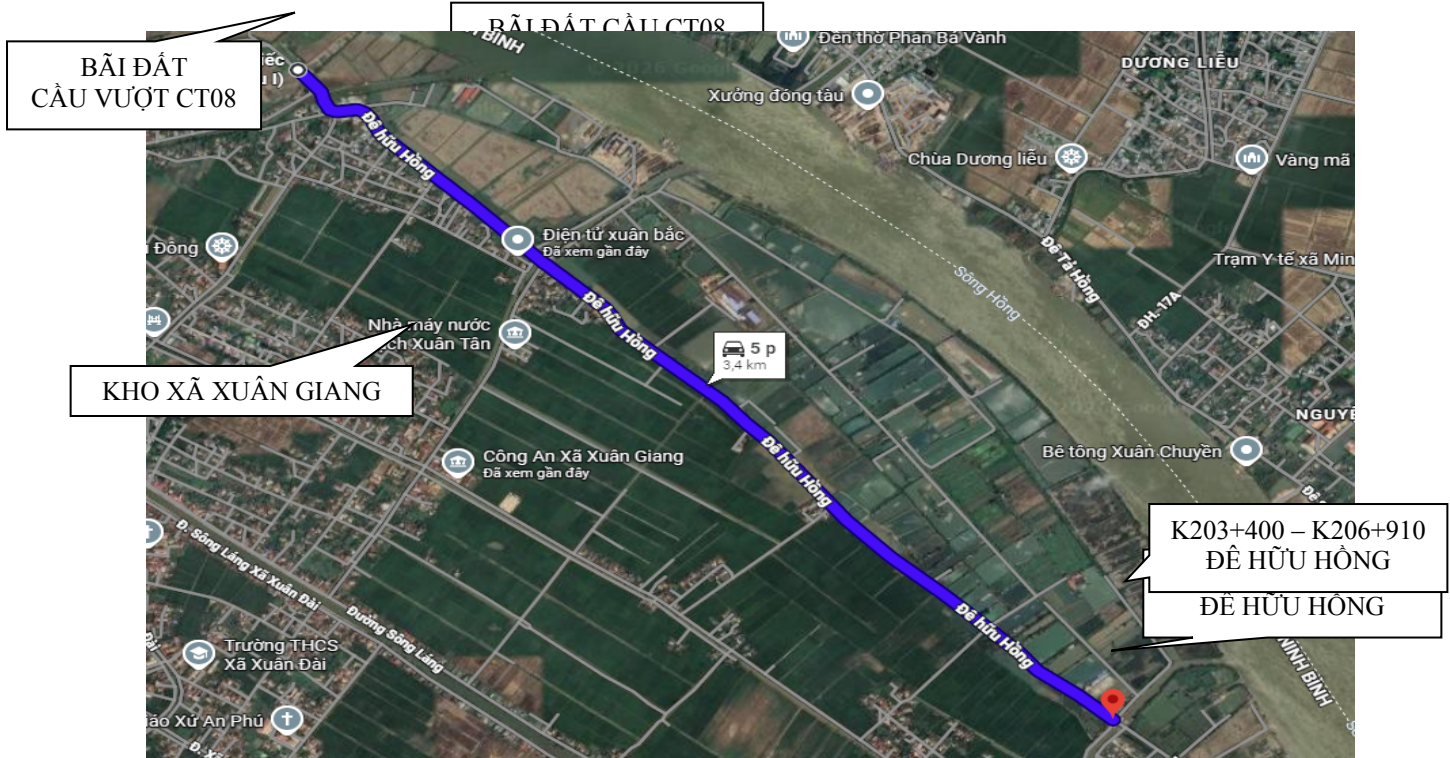
6.4. Xử lý chống tràn trên tuyến đê hữu Hồng

- Đất 6.500 m³ được huy động từ bãi đất cầu vượt CT08 cách khu vực xử lý 3,4 km (Có sơ họa tuyến đường vận chuyển).

- Bao tải (38.600 cái) và bạt chống thấm (28.000 m²) được huy động từ kho xã Xuân Giang cách khu vực xử lý 3,3 km (Có sơ họa tuyến đường vận chuyển).

Sơ họa tuyến đường vận chuyển đất

Sơ họa tuyến đường vận chuyển bao tải, bạt chống thấm



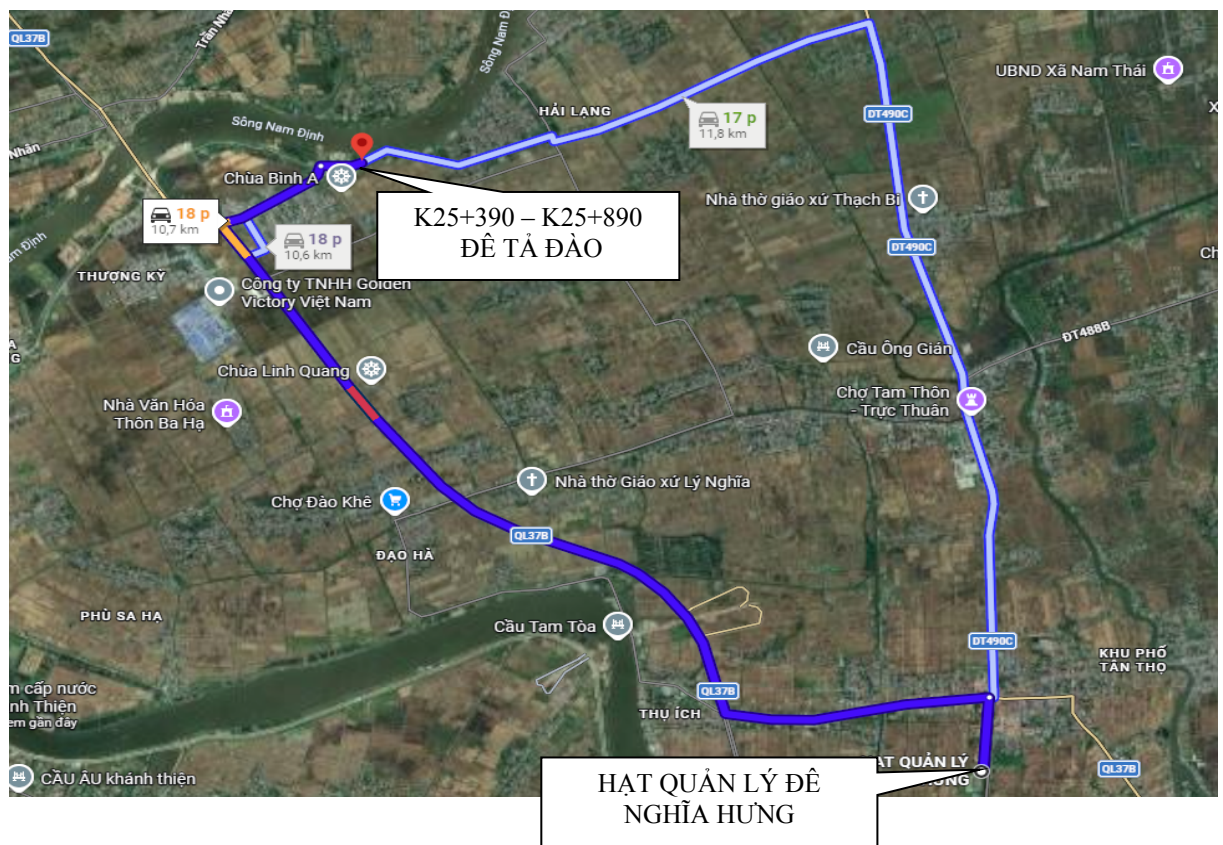
6.5. Xử lý chống tràn trên tuyến đê tả Đào

- Cát 250 m³ được huy động từ bãi cát công ty vật liệu và xây lắp Nghĩa Hưng cách khu vực xử lý 4,1 km (Có sơ họa tuyến đường vận chuyển).
- Bao tải 11.000 cái được huy động từ kho Hạt QLĐ Nghĩa Hưng cách khu vực xử lý từ 10,7 km (Có sơ họa tuyến đường vận chuyển).

Sơ họa tuyến đường vận chuyển cát



Sơ họa tuyến đường vận chuyển bao tải



Bảng tổng hợp nhu cầu vật tư, phương tiện, nhân lực để xử lý các sự cố

STT	Sự cố	Vật tư, phương tiện, nhân lực	Đơn vị	Số lượng
1	Nước tràn qua mặt đê đoạn K13+900 ÷ K17+400 tuyến đê hữu Hoàng Long	Bao tải dứa	cái	38.500
		Bạt chống thấm	m ²	28.000
		Đất	m ³	6.450
		Xe tải ben 3-8 tấn	cái	18
		Máy xúc < 0.4m ³	cái	25
		Nhân công	người	4.700-6.000
2	Nước tràn qua mặt đê đoạn K19+500 ÷ K21+000 đê tả Vạc	Bao tải dứa	cái	33.000
		Cát	m ³	820
		Xe tải ben 3-8 tấn	cái	8
		Máy xúc < 0.4m ³	cái	4
		Nhân công	người	2.000-2.800
3	Nước tràn qua mặt đê đoạn K33+000 ÷ K35+214 đê hữu Ninh	Bao tải dứa	cái	20.000
		Bạt chống thấm	m ²	14.500
		Đất	m ³	3.390
		Xe tải ben 3-8 tấn	cái	12
		Máy xúc < 0.4m ³	cái	12
		Nhân công	người	3.200-4.000
4	Nước tràn qua mặt đê đoạn K203+400 ÷ K206+910 đê hữu Hồng	Bao tải dứa	cái	38.600
		Bạt chống thấm	m ²	28.000
		Đất	m ³	6.500
		Xe tải ben 3-8 tấn	cái	18
		Máy xúc < 0.4m ³	cái	25
		Nhân công	người	4.700-6.000
5	Nước tràn qua mặt đê đoạn K25+390 ÷ K25+890 đê tả Đào	Bao tải dứa	cái	11.000
		Cát	m ³	250
		Xe tải ben 3-8 tấn	cái	5
		Máy xúc < 0.4m ³	cái	3
		Nhân công	người	800-1.200

7. Công tác chỉ đạo, chỉ huy và điều phối

Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo UBND các xã tập trung nhân lực, vật tư, trang thiết bị để xử lý chống tràn cho tuyến đê hữu Hoàng Long và tuyến đê tả Vạc, tuyến đê hữu Ninh, tuyến đê hữu Hồng, tuyến đê tả Đào. Khi sự cố diễn ra với mức độ lớn hơn dự kiến mà nhu cầu cần huy động vật tư, phương tiện, nhân lực vượt khả năng huy động của tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo, đề nghị Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia hỗ trợ.

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh

Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh quản lý hoạt động phòng, chống thiên tai, ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Phòng thủ dân sự, Nghị quyết 76/2018/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai và các văn bản chỉ đạo của Trung ương; chỉ huy, điều hành công tác phòng ngừa, ứng phó, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh Ninh Bình theo quy định của pháp luật:

- Chỉ đạo thực hiện kế hoạch Phòng chống thiên tai; phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai, phương án bảo vệ trọng điểm, phương án hộ đê toàn tuyến, phương án tìm kiếm cứu nạn...;

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành và nhân dân thực hiện các biện pháp phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai; chỉ huy hộ đê, đảm bảo an toàn hồ đập, công trình phòng chống lụt bão;

- Chỉ đạo triển khai theo phương án đã được duyệt, khẩn trương tổ chức ứng phó, xử lý kịp thời với các diễn biến thiên tai; bảo vệ sản xuất, các cơ sở kinh tế - xã hội, các khu dân cư; tổ chức cứu hộ, cứu nạn khẩn cấp và nhanh chóng khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh;

- Kiểm tra, đôn đốc các sở, ngành, cơ quan trên địa bàn tỉnh thực hiện nhiệm vụ phòng chống thiên tai.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tổng kiểm tra đê điều, hồ đập, các trọng điểm xung yếu trước mùa mưa, bão; xây dựng, tổ chức thực hiện phương án chống úng, chống hạn, phương án khắc phục hậu quả thiên tai khôi phục sản xuất;

- Xây dựng, thực hiện kế hoạch kiểm tra công tác phòng chống thiên tai, quản lý đê điều, các công trình thủy lợi khác và công tác "4 tại chỗ" của các địa phương, đơn vị; kiến nghị xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về đê điều và phòng, chống thiên tai.

- Tham mưu cho Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh chỉ đạo thực hiện các giải pháp kỹ thuật xử lý giờ đầu khi các tình huống thiên tai xảy ra đảm bảo an toàn cho các tuyến đê;

- Điều động lãnh đạo sở, lãnh đạo các đơn vị thuộc sở, cán bộ kỹ thuật xuống địa bàn tham gia chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật xử lý có thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh;

- Chỉ đạo Chi cục Thủy lợi chuẩn bị phương án xuất vật tư dự trữ theo lệnh của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

- Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án cứu hộ, cứu nạn khi thiên tai xảy ra; phương án hợp đồng tác chiến giữa các đơn vị đóng quân trên địa bàn để sẵn sàng huy động phương tiện, lực lượng cơ động tham gia ứng phó với thiên tai khi có yêu cầu;

- Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án quản lý, kiểm soát, hướng dẫn, kêu gọi tàu thuyền hoạt động trên sông, trên biển về nơi tránh, trú bão an toàn phù hợp với diễn biến của thiên tai. Thường xuyên thông tin, hướng dẫn cho chủ tàu thuyền, ngư dân đang hoạt động trên biển nắm chắc diễn biến, hướng di chuyển của ATNĐ, bão để phòng, tránh an toàn; đồng thời, thực hiện các biện pháp bảo vệ tài sản tại các khu neo đậu tàu thuyền tránh, trú bão; kiểm soát hoạt động của các chòi canh thủy sản, hải sản khu vực bãi bồi ven biển;

- Tổ chức thực hiện phương án di dân về nơi tránh trú, đảm bảo an toàn khi có bão, lũ;

- Phối hợp với Công an tỉnh xây dựng, tổ chức thực hiện phương án cứu hộ, cứu nạn trên biển và vùng ven biển khi xảy ra thiên tai; phương án cứu hộ, cứu nạn trên biển và vùng ven biển khi có yếu tố nước ngoài tham gia. Sẵn sàng huy động lực lượng, phương tiện tham gia hộ đê.

4. Công an tỉnh

- Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội khi xảy ra thiên tai; bố trí lực lượng, phối hợp với Sở Xây dựng trong công tác phân luồng giao thông tại khu vực bị thiên tai, kiểm soát chặt chẽ phương tiện giao thông qua các đoạn đường ngập, các bến đò ngang, đò dọc;

- Phối hợp với lực lượng Quân đội và chính quyền địa phương trong việc sơ tán nhân dân, bảo vệ tài sản của nhân dân, tham gia cứu hộ, cứu nạn và giúp dân khắc phục hậu quả.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Xây dựng phương án đảm bảo thông tin liên lạc 24/24h, kịp thời trong mọi tình huống từ tỉnh đến các xã, phường và các trọng điểm, đặc biệt trong trường hợp xuất hiện lũ lớn kéo dài gây sự cố mất điện lưới, không thể thông tin liên lạc bằng hữu tuyến và các mạng viễn thông;

- Chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị viễn thông, bưu chính trên địa bàn tỉnh đảm bảo liên lạc, kịp thời chuyển thông tin phục vụ công tác chỉ đạo việc phòng tránh, ứng phó với bão, lũ; công tác tìm kiếm cứu nạn.

6. Sở Xây dựng

- Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án đảm bảo giao thông thông suốt; có phương án đề phòng, xử lý các vị trí sạt lở gây ách tắc giao thông. Phối hợp với

Công an tỉnh tổ chức phân luồng giao thông khi các tuyến đường bị ngập lụt do ảnh hưởng của thiên tai;

- Đảm bảo an toàn giao thông, an toàn cho các bến cảng, bến thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý. Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án tránh trú bão, lũ đảm bảo an toàn cho các phương tiện thủy trên các tuyến sông thuộc phạm vi quản lý;

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát các chủ đầu tư xây dựng, tổ chức thực hiện tốt phương án đảm bảo an toàn cho các công trường xây dựng, các nhà xưởng, công trình xây dựng trọng điểm, công trình do đơn vị làm chủ đầu tư; tham mưu khắc phục, xử lý sự cố các công trình xây dựng do thiên tai gây ra;

- Triển khai rà soát, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm quy hoạch, quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch phù hợp với quy hoạch phân vùng động đất, sóng thần theo quy định.

7. Sở Y tế

- Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án cấp cứu, điều trị, chăm sóc sức khỏe nhân dân, vệ sinh môi trường, nguồn nước sinh hoạt, phòng, chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm, xử lý ô dịch xuất hiện sau thiên tai trên địa bàn toàn tỉnh. Có kế hoạch phân bổ cơ sở thuốc, hóa chất phòng, chống dịch bệnh khi có thiên tai xảy ra;

- Xây dựng, thực hiện phương án sơ tán, di dời cơ sở y tế khi xảy ra ngập lụt, sập đổ để nhanh chóng thu dung cấp cứu, điều trị nạn nhân trong mọi tình huống khẩn cấp, đảm bảo điều kiện cho các cơ sở y tế hoạt động, không để người bệnh, nhân viên y tế bị thiệt mạng do lũ, bão, thiên tai;

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở y tế chủ động kiểm tra, giám sát bảo đảm an toàn môi trường, tránh bùng phát dịch bệnh do ảnh hưởng hạn hán, thiếu nước, nắng nóng kéo dài.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án bảo đảm an toàn cho giáo viên, học sinh, sinh viên và an toàn trường, lớp học khi có thiên tai xảy ra. Có kế hoạch bảo đảm chương trình, thời gian học cho học sinh các xã vùng bị ảnh hưởng của thiên tai;

- Từng bước đưa kiến thức cơ bản về các tình huống thiên tai và các biện pháp phòng, chống, ứng phó vào chương trình giáo dục cho học sinh, sinh viên theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. Sở Công Thương

Xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện phương án dự trữ hàng hóa nhất là lương thực và nước uống nhằm bảo đảm nguồn cung các mặt hàng thiết yếu cho người dân vùng bị thiên tai, lụt, bão, nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn khi có yêu cầu; Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng thiên tai để đầu cơ, găm hàng, tăng giá bất hợp lý.

10. Sở Nội vụ: Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án cứu trợ nhân dân vùng bị thiên tai; tham mưu, đề xuất các chính sách cứu trợ kịp thời khi có thiên tai xảy ra.

11. Sở Tài chính: Phối hợp với các sở, ban, ngành tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kịp thời kinh phí đảm bảo cho công tác phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả, hỗ trợ khó khăn cho vùng bị ảnh hưởng thiên tai và tu sửa công trình phòng chống lụt bão; công trình bị hư hại do thiên tai.

12. Thanh tra tỉnh: Thực hiện thanh tra công tác quản lý nhà nước đối với công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có).

13. Đài Khí tượng thủy văn tỉnh

- Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án đảm bảo thông tin dự báo, cảnh báo bão, mưa, lũ trên địa bàn tỉnh; thường xuyên cập nhật thông tin về diễn biến thời tiết thủy văn của Trung tâm dự báo KTTV quốc gia, các đài Khí tượng khu vực, tổng hợp phát hành các bản tin thông báo, dự báo, cảnh báo về mưa, lũ, ATNĐ, bão trên địa bàn toàn tỉnh. Dự báo lũ trên các sông, cảnh báo lũ trên các hồ chứa lớn;

- Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ với Báo và Phát thanh, Truyền hình Ninh Bình chi tiết hóa bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai. Tổ chức dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai theo đúng quy định tại Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Tăng cường dự báo, nhận định tình hình nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn, rét đậm, rét hại đông lạnh,... thường xuyên cung cấp cho các cơ quan liên quan và địa phương để phục vụ chỉ đạo phòng, chống thiên tai.

14. Công ty Điện lực Ninh Bình

Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án bảo vệ an toàn hệ thống nguồn, lưới điện trong mọi tình huống để đảm bảo cấp điện an toàn, ổn định phục vụ sản xuất và công tác phòng chống thiên tai. Triển khai thực hiện phương án đảm bảo cấp điện 24/24h phục vụ vận hành các công trình tràn, cống và các công trình khác khi có yêu cầu.

15. Các Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi

- Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án bảo vệ an toàn cho các hồ, đập, hệ thống công trình thủy lợi trong phạm vi quản lý đảm bảo đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phòng, chống lụt bão, hạn hán, xâm nhập mặn; lập các quy trình vận hành an toàn hồ, đập theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện vận hành các công trình thủy lợi do đơn vị quản lý theo quy trình khi có yêu cầu;

- Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các đơn vị có liên quan thực hiện việc xả lũ các hồ chứa thuộc phạm vi quản lý khi có yêu cầu.

16. Báo và Phát thanh - Truyền hình Ninh Bình

- Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án bảo vệ thiết bị, cơ sở hạ tầng thông tin, truyền hình. Phối hợp chặt chẽ với Đài Khí tượng thủy văn tỉnh, cơ quan thực hiện nhiệm vụ phòng chống thiên tai các cấp, đăng tải, đưa tin kịp thời, đúng quy định về dự báo, cảnh báo thiên tai và công tác chỉ đạo, điều hành, hoạt động phòng chống thiên tai của các cấp, các ngành, cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Đài Khí tượng thủy văn tỉnh và các đơn vị có liên quan xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về phương án PCTT và TKCN của tỉnh và phổ biến kinh nghiệm phòng tránh thiên tai trên các phương tiện thông tin đại chúng đến người dân nhằm nâng cao nhận thức cho cộng đồng để có ý thức và biện pháp chủ động phòng tránh hiệu quả.

17. Cơ quan Thống kê tỉnh

Thống kê tỉnh phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị liên quan tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ thống kê thiệt hại do thiên tai theo Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23 tháng 11 năm 2015.

18. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng số 1, số 2 và số 3

Chủ trì, phối hợp với đơn vị thi công xây dựng phương án đảm bảo an toàn cho các công trình đê điều đang thi công dở dang.

19. Các sở, ngành khác

Căn cứ theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng, tổ chức thực hiện phương án phòng chống thiên tai đáp ứng, yêu cầu nhiệm vụ phòng tránh thiên tai của ngành mình, đơn vị mình và nhiệm vụ phòng, chống lụt bão, động đất, sóng thần chung của tỉnh.

20. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Thành lập Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự xã, phường và phân công nhiệm vụ cụ thể các thành viên; Thành lập đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã với lực lượng nòng cốt là dân quân tự vệ và sự tham gia của các thành viên từ các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội và các đoàn thể; Thành lập lực lượng tuần tra, canh gác đê điều trong mùa lũ, bão; Kiện toàn lực lượng quản lý đê nhân dân trên địa bàn;

- Tổ chức rà soát vật tư, nhân lực, trang thiết bị để sẵn sàng ứng phó khi có thiên tai xảy ra; tổng hợp báo cáo thiệt hại sau thiên tai gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định;

- Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo thực hiện công tác PCTT và TKCN; đảm bảo an toàn đê điều, hồ đập và các công trình phòng chống thiên tai trên địa bàn mình quản lý; chuẩn bị đầy đủ công tác “4 tại chỗ” để sẵn sàng triển khai ứng phó khi có sự cố xảy ra;

- Tổ chức ký hiệp đồng lực lượng Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;

- Chủ động rà soát và xây dựng phương án đưa nước vào trong các bồi trên địa bàn khi có lũ từ báo động II trở lên, theo quy định của Luật Đê điều, đảm bảo an toàn tuyệt đối về người, hạn chế thấp nhất thiệt hại về cơ sở vật chất và tài sản trong vùng bồi, không để bị động khi đê bồi bị vỡ, chủ động phương án sơ tán dân khi có tình huống xảy ra. Báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để chỉ đạo thực hiện.

21. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể

Bám sát địa bàn, tuyên truyền, vận động nhân dân, đoàn viên, hội viên tích cực chủ động tham gia công tác PCTT và TKCN phát huy vai trò của đoàn thanh niên, thanh niên tình nguyện, phụ nữ tham gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai; vận động, hướng dẫn hội viên thực hiện tốt các giải pháp sản xuất trong điều kiện nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn, thiếu nước sinh hoạt theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn để giành thắng lợi trong sản xuất, ổn định đời sống nhân dân.

Trên đây là Phương án hộ đê toàn tuyến và ứng phó với trường hợp lũ lớn vượt tần suất thiết kế trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường tập trung triển khai thực hiện, đảm bảo ứng phó kịp thời, có hiệu quả, bảo vệ an toàn cho người, tài sản của Nhà nước, Nhân dân và hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm tổng hợp, đề xuất biện pháp giải quyết, gửi về Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Các đồng chí Ủy viên BTV Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các thành viên Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các xã, phường;
- Lưu VT, VP3,7; VPBCH.

L/VP3/NN/2026/TL

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng